

Số: 02/2020/QĐ-UBND

Đắk Glei, ngày 30 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội
5 năm giai đoạn 2021-2025 huyện Đắk Glei

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLEI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 36/2020/NQ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân huyện Đắk Glei về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch tại Văn bản số 499/TCKH-QLNS ngày 25 tháng 12 năm 2020 về đề nghị ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 huyện Đắk Glei,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 huyện Đắk Glei (*sau đây gọi tắt là Kế hoạch 5 năm*).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao Phòng Tài chính – Kế hoạch:

- Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện tổ chức đánh giá kết quả thực hiện giữa kỳ vào năm 2023, từ đó đề xuất bổ sung giải pháp phù hợp để thực hiện thắng lợi Kế hoạch 5 năm; Tham mưu Ủy ban nhân dân huyện tổng kết, đánh giá vào cuối kỳ Kế hoạch 5 năm theo đúng quy định.

2. Giao các phòng, ban thuộc Ủy ban nhân dân huyện, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các ban ngành có liên quan trên địa bàn huyện:

- Trên cơ sở Kế hoạch 5 năm, hoàn thiện Kế hoạch 5 năm của ngành, địa phương mình và tổ chức triển khai nhằm hoàn thành tốt các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra.

- Tham mưu xây dựng các chương trình, đề án, kế hoạch triển khai Kế hoạch 5 năm, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện.

3. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện: Thường xuyên theo dõi, tham mưu Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo, đôn đốc các ngành, các cấp tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, các đoàn thể tham gia giám sát và phản biện xã hội việc triển khai thực hiện Kế hoạch 5 năm của Ủy ban nhân dân huyện và các ngành, các cấp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực, kể từ ngày 04 tháng 01 năm 2021.

Điều 4. Thủ trưởng các phòng, ban trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (t/h);
- Sở Kế hoạch và Đầu tư (b/c);
- Sở Tài chính (b/c);
- TT Huyện ủy (b/c);
- TT HĐND huyện (b/c);
- UBNDTTQVN huyện (p/h);
- CT, các PCT UBND huyện (c/đ);
- Các Ban của HĐND huyện;
- Các đoàn thể cấp huyện
- TT HĐND các xã, thị trấn;
- Cổng thông tin điện tử huyện Đắk Glei (đăng tải);
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Y Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLEI

**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ-XÃ HỘI 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025
HUYỆN ĐẮK GLEI**

(Kèm theo Quyết định số **02** /2020/QĐ-UBND ngày **30** tháng **12** năm 2020
của Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glei)

Đắk Glei, tháng 12-2020

Phần thứ nhất:

KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG, AN NINH GIAI ĐOẠN 2016-2020

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện được triển khai thực hiện trong điều kiện khó khăn và thách thức, đặc biệt vào cuối năm 2019-2020, như: Hạn hán kéo dài xảy ra trên diện rộng; dịch bệnh phức tạp, nhất là ảnh hưởng của dịch Covid-19, bạch hầu, dịch tả lợn Châu phi; tình hình trong nước còn nhiều khó khăn, nhất là sản xuất nông nghiệp... đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, đời sống của nhân dân và việc triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh đã đề ra. Tuy nhiên, được sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của Huyện ủy, giám sát của Hội đồng nhân dân huyện, điều hành quyết liệt của Ủy ban nhân dân huyện, sự nỗ lực và quyết tâm cao của các cấp, các ngành, doanh nghiệp và Nhân dân tình hình kinh tế - xã hội huyện Đắk Glei có nhiều chuyển biến tích cực và đạt được những kết quả quan trọng như sau:

I. THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC

1. Về kinh tế

1.1. Tăng trưởng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực tỷ trọng ngành công nghiệp-xây dựng tăng từ 24,9% lên 26%; thương mại - dịch vụ tăng từ 33% lên 34%; nông - lâm - thủy sản giảm từ 42,1% xuống 40%¹. Thu ngân sách Nhà nước từ 22 tỷ đồng năm 2016 lên trên 40 tỷ đồng năm 2020 (đạt 181,8% chỉ tiêu). Thu nhập bình quân đầu người đạt 19,2 triệu / người năm 2016 lên 34,7 triệu đồng/người năm 2020, tăng 15,5 triệu đồng (gấp 1,8 lần so với đầu nhiệm kỳ), đạt 91,3% chỉ tiêu đề ra.

1.2. Tình hình phát triển các ngành, lĩnh vực

a) Nông lâm thủy sản

- *Nông nghiệp*: Nông nghiệp có bước phát triển mạnh: Ước đến cuối năm 2020, diện tích cây trồng hàng năm chủ yếu đạt 7.623,4/6.945 ha (đạt 109,8% so với NQ đề ra); diện tích cây trồng lâu năm đạt 6.298,8/6. sản lượng lương thực có hạt đạt 13.564,8 tấn. Đã tập trung lãnh đạo đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi phù hợp với điều kiện của từng tiểu vùng; chú trọng hỗ trợ, đầu tư phát triển một số cây trồng, vật nuôi có lợi thế của địa phương², đặc biệt đã

¹ Chỉ tiêu NQ đến năm 2020: CN-XD chiếm 26%; TM-DV chiếm 34%; Nông-lâm-thủy sản chiếm 40%.

² Đã quy hoạch vùng nguyên liệu sản xuất gắn với chế biến, trong đó tập trung phát triển sản xuất đối với những loại cây trồng có giá trị kinh tế cao phù hợp với điều kiện khí hậu, đất đai thổ nhưỡng, trên địa bàn: như vùng dự án Cà phê xứ lạnh tại các xã Mường Hoong, Ngọc Linh, Đắk Choong, Xốp, Đắk Man, Đắk Blô với diện tích 280 ha gắn với thu mua chế biến cà phê nhân nguyên chất, hiện nay Nhà máy chế biến cà phê Cao nguyên tại xã Đắk Choong đã đi vào hoạt động thu mua và chế biến góp phần tăng thu nhập, ổn định giá trên thị trường. Phát triển vùng trồng dược liệu đối với các loại dược liệu có thể mạnh (*Sâm Ngọc Linh, Đảng sâm, Dương quy, Ngũ vị tử* ...) phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu sinh thái trên địa bàn huyện. Ưu tiên nguồn lực để bảo tồn, nhân

xây dựng và triển khai thực hiện nhiều đề án, phương án phát triển cây sâm Ngọc Linh, Hồng Đăng Sâm³ và bước đầu đạt kết quả tích cực, hiện đã phát triển được 4,39 ha sâm Ngọc Linh và 235 ha Hồng Đăng Sâm, đang dần tạo ra các vùng chuyên canh dược liệu trên địa bàn huyện. Việc phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ ngày càng được chú trọng triển khai trên địa bàn huyện; việc triển khai chương trình mỗi xã một sản phẩm được quan tâm và đạt kết quả bước đầu. Tính đến hết năm 2020 số lượng đàn gia súc hiện có là 28.784/45.500 con (*ước đạt 63,3% so với NQ*).

- *Lâm nghiệp*: Công tác bảo vệ và phát triển rừng được chú trọng phát triển theo hướng bền vững, thực hiện có hiệu quả công tác giao khoán bảo vệ rừng cho các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng dân cư⁴; nâng độ che phủ của rừng từ 71,7 % năm 2015 lên 72% vào cuối năm 2020.

- *Thủy sản*: Nuôi trồng thủy sản đã và đang phát triển theo đúng định hướng, sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản năm 2020 ước đạt 55 tấn.

- *Phát triển nông thôn*: Công tác xây dựng nông thôn mới được chỉ đạo thực hiện quyết liệt và đạt kết quả tích cực. Tính đến hết năm 2020, bình quân các xã đã đạt trên 14,1 tiêu chí/xã, tăng 7,46 tiêu chí so với đầu nhiệm kỳ, không còn xã dưới 9 tiêu chí; có 02 xã đạt chuẩn nông thôn mới (*xã Đăk Môn, Đăk Pek*), thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới chưa đạt mục tiêu đề ra⁵, đạt 50% kế hoạch. Cơ sở hạ tầng thiết yếu của các xã ngày càng được đầu tư, hoàn thiện, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế và giảm nghèo, nâng cao cơ hội tiếp cận các dịch vụ xã hội đối với khu vực nông thôn, giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

b. Công nghiệp - Xây dựng

- Tình hình sản xuất công nghiệp trên địa bàn huyện năm 2020 vẫn tăng trưởng khá ổn định, phát triển đều ở các lĩnh vực, giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp ước gần đạt kế hoạch năm.

- Tổ chức rà soát thống kê tất cả các cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực CN-TTCN trên địa bàn huyện. Trên cơ sở quy hoạch đã được phê duyệt thực hiện sắp xếp lại cho phù hợp đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh và vệ sinh môi trường theo quy hoạch.

rộng và phát triển cây Sâm Ngọc Linh tại các xã Mường Hoong, Xốp, Ngọc Linh. Thực hiện Đề án Bảo tồn, hỗ trợ phát triển cây Sâm Ngọc Linh tại các xã Mường Hoong, Ngọc Linh và Xốp (*theo Quyết định 269/QĐ-UBND ngày 17/4/2013 của UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch phát triển Sâm Ngọc Linh giai đoạn 2012-2020, tầm nhìn đến 2025*).

³ (1) Đề án bảo tồn, hỗ trợ phát triển Sâm Ngọc Linh tại 03 xã Mường Hoong, Ngọc Linh, Xốp đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; (2) Đề án hỗ trợ phát triển cây Đảng sâm tại các xã phía Bắc giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2025; (3) Phương án hợp tác với Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Đắk Tô để đầu tư trồng và phát triển Sâm Ngọc Linh tại 02 xã Mường Hoong và Ngọc Linh.

⁴ Cho 415 hộ gia đình, 72 cộng đồng dân cư, 05 tổ chức, 43 nhóm hộ.

⁵ Đến nay mới có 02/04 xã đạt chuẩn nông thôn mới (đạt 50% chỉ tiêu NQ).

c. Thương mại - dịch vụ

- Hệ thống thương mại, dịch vụ của huyện có bước chuyển biến đáng kể, mạng lưới phân phối hàng hóa được mở rộng, đáp ứng nhu cầu của nhân dân; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 725 tỷ đồng.

- Dịch vụ tín dụng phát triển, hoạt động của ngân hàng nông nghiệp, ngân hàng chính sách xã hội trên địa bàn ngày càng hiệu quả, nợ xấu giảm mạnh. Dịch vụ vận tải phát triển nhanh, đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hóa và đi lại của nhân dân. Một số tuyến điểm du lịch đang từng bước được quan tâm khai thác. Công tác đăng ký nhãn hiệu hàng hóa từng bước được triển khai thực hiện⁶.

- Chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với Sở Văn hóa – Thể thao – Du lịch tỉnh, các đơn vị có liên quan bổ sung lập bản đồ ranh giới các điểm dự kiến lập hồ sơ công nhận các điểm du lịch, di tích lịch sử văn hóa, các làng DB DTTS trên địa bàn huyện tại 03 làng (*Mô Po, Tân Túc, Làng Mới – xã Mùòng Hoong*).

1.3. Tài chính, tín dụng tiền tệ - Đầu tư phát triển

a) Tài chính - tiền tệ

- Triển khai tốt các hoạt động tín dụng – tiền tệ, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế; tổng dư nợ đạt 302.727 triệu đồng, tăng 16.375 triệu đồng so với 31/12/2019 với 7.441 hộ còn dư nợ. Trong đó, dư nợ nhận ủy thác đầu tư tại địa phương là 5.019 triệu đồng. Doanh số cho vay lũy kế từ đầu năm đạt 62.802 triệu đồng, doanh số thu nợ lũy kế từ đầu năm đạt 46.425 triệu đồng, chiếm 86% doanh số cho vay. Thu lãi đạt 13.667 triệu đồng, đạt 99,6% kế hoạch thu lãi tháng. Nợ quá hạn 410 triệu đồng, tăng 170 triệu đồng so với 31/12/2019 và không có nợ khoanh; lãi tồn 680 triệu, tăng 346 triệu so với 31/12/2019.

b. Đầu tư phát triển

- Công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản được chú trọng; đã ưu tiên đầu tư công trình cấp bách, trọng tâm, trọng điểm, các công trình kết cấu hạ tầng bảo đảm tính đồng bộ, tính kết nối nhằm phát huy hiệu quả đầu tư, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Tổng nguồn lực nhà nước đầu tư vào địa bàn trong cả nhiệm kỳ đạt 513.173 triệu đồng⁷. Kết cấu hạ tầng thị trấn được chỉnh trang, đầu tư nâng cấp, mở rộng và ngày càng khang trang⁸. Đã khởi công xây dựng và hoàn thành Cầu bê tông qua sông PôKô với tổng mức đầu tư gần 50 tỷ đồng, qua đó tạo điều kiện kết nối phía Đông sông PôKô và phía Tây sông PôKô góp phần phát triển kinh tế-xã hội của trung tâm thị trấn Đăk Glei.

2. Lĩnh vực văn hóa, xã hội

⁶ Hiện đã có 02 sản phẩm của huyện được công nhận nhãn hiệu (nước giải khát sâm dây, Trà túi lọc).

⁷ Trong đó: Nguồn đầu tư công giai đoạn 2016-2020 ngân sách địa phương quản lý 210.287 triệu đồng; Ngân sách Trung ương 302.886 triệu đồng (các chương trình mục tiêu Quốc gia 239.886 triệu đồng; các chương trình mục tiêu 63.000 triệu đồng)

⁸ Đã thực hiện các dự án chỉnh trang vỉa hè một số tuyến đường; cải tạo cảnh quan khuôn viên hồ Đăk Xanh; xây dựng mới Nhà đa năng

2.1. Giáo dục - đào tạo

- Giáo dục-đào tạo có nhiều khởi sắc. Hệ thống trường, lớp học ngày càng được đầu tư xây dựng⁽⁹⁾ theo hướng đồng bộ và hiện đại; cơ sở vật chất từng bước tăng cường¹⁰; hiện có 14 trường đạt chuẩn quốc gia¹¹; các cơ sở giáo dục được sắp xếp tinh gọn, hiệu quả¹². Tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi ra lớp đạt trên 95%; chất lượng giáo dục được nâng lên; đã thực hiện hiệu quả công tác chống tái mù chữ, kết quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và giáo dục trung học cơ sở. Trình độ của đội ngũ giáo viên cơ bản đáp ứng được yêu cầu, hiện có 100% giáo viên đạt chuẩn và trên 97% trên chuẩn. Công tác xóa phòng học tạm được chú trọng¹³. Chất lượng học tập của học sinh các cấp học phổ thông có sự chuyển biến rõ nét, tích cực¹⁴. Duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi, phổ cập trung học cơ sở và xóa mù chữ¹⁵. Việc thực hiện tốt các chế độ chính sách và các giải pháp về chuyên môn đối với học sinh DTTS đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục dân tộc của huyện¹⁶. Đội ngũ cán bộ

⁽⁹⁾ Đến nay, tổng số trường mầm non, phổ thông trên toàn huyện là 34 trường: Mầm non 12 trường; Tiểu học 9 trường; THCS 8 trường; 05 trường Tiểu học – THCS.

¹⁰ Đã xây dựng thêm 93 phòng học kiên cố.

¹¹ Trường Mầm non 04/12 trường (đạt 33,33%); Trường Tiểu học 05/9 trường (đạt 55,55%); Trường THCS 05/8 (đạt 62,5%); TH-THCS 00/5 trường (đạt 0%).

¹² Đã tiến hành hợp nhất trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm dạy nghề của huyện thành Trung tâm GDNN-GDTX huyện; sắp xếp 04 trường của xã Xốp và xã Đăk Man thành 02 trường Tiểu học-THCS.

¹³ Số phòng học hiện có 565 phòng (kiên cố 197; bán kiên cố 337; lắp ghép 24), trong đó Mầm non có 159 phòng (kiên cố 11; bán kiên cố 137; lắp ghép 10); Tiểu học có 251 phòng (kiên cố 76; bán kiên cố 155; lắp ghép 14); THCS có 155 phòng (kiên cố 110; bán kiên cố 45; lắp ghép 00). Số phòng học hiện có đủ để tổ chức dạy học 2 buổi/ngày. Số phòng làm việc hiện có 90 phòng (kiên cố 23; bán kiên cố 67), trong đó Mầm non có 22 phòng (kiên cố 00; bán kiên cố 22); Tiểu học có 25 phòng (kiên cố 3; bán kiên cố 22); THCS có 43 phòng (kiên cố 20; bán kiên cố 23). Nhu cầu xây mới 64 phòng học và 69 phòng làm việc; 65 phòng học bộ môn (Mầm non 11 phòng học, 14 phòng làm việc, 06 phòng học bộ môn; Tiểu học 33 phòng học, 29 phòng làm việc, 26 phòng học bộ môn; THCS 20 phòng học, 26 phòng làm việc, 33 phòng học bộ môn).

¹⁴ - Học sinh được đánh giá hoàn thành chương trình lớp học: 5765/5947 đạt tỉ lệ 96,9%; Số học sinh lớp 5 hoàn thành chương trình tiểu học: 1010/1018, đạt tỷ lệ 99,2 %.

- Bậc THCS: Hạnh kiểm loại Tốt 2239/3255 tỷ lệ 68,79%, loại Khá 806/3255 tỷ lệ 24,76%, loại Trung bình 195/3255 tỷ lệ 5,99%, loại Yếu 15/3255 tỷ lệ 0,46%. Học lực loại Giỏi 148/3255 tỷ lệ 4,55%, loại Khá 1095/3255 tỷ lệ 33,64%, loại Trung bình 1672/3255 tỷ lệ 51,37%, loại Yếu 319/9.8 tỷ lệ 8,7%, loại Kém 21/3255 tỷ lệ 0,65%. Có 20 học sinh khuyết tật không đánh giá.

¹⁵ - Huyện Đăk Glei được công nhận đạt chuẩn Phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi, tất cả 12/12 xã đều giữ vững phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi.

- Phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi năm 2020 PCGDTH trẻ 11-14 tuổi hoàn thành chương trình là 3448/3546 đạt tỷ lệ 97,2%. Đến năm 2020 tỷ lệ trẻ 11-14 tuổi hoàn thành chương trình là 3714/3818, đạt tỷ lệ 97,28%.

- Phổ cập giáo dục trung học cơ sở năm 2020 tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS (cả hai hệ) độ tuổi từ 15 đến 18 tuổi 2826/3408 đạt tỷ lệ 82,92% đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 1. Đến năm 2020 tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS (cả hai hệ) độ tuổi từ 15 đến 18 tuổi 2886/3514 đạt tỷ lệ 82%.

- Xóa mù chữ năm 2020 tổng số người trong độ tuổi từ 15 đến 60 tuổi là 27.027 người, số người biết chữ mức độ 2 trong độ tuổi 25.192/27.027 đạt tỷ lệ 93,21% đạt XMC mức độ 1. Đến năm 2020 tổng số người trong độ tuổi từ 15 đến 60 tuổi là 30.037 người, số người biết chữ mức độ 2 trong độ tuổi 28.328/30.037 đạt tỷ lệ 94,3%.

¹⁶ Kết quả học tập và rèn luyện của học sinh dân tộc thiểu số năm học 2019-2020: Tiểu học xếp loại Hoàn thành trở lên 5103/5271 tỷ lệ 96,8%; Chưa hoàn thành 168/5271 tỷ lệ 3,2%; THCS: Hạnh kiểm xếp loại Trung bình trở lên 2870/2885 tỷ lệ 99,4%; loại Yếu 15/2885 tỷ lệ 0,6%. Học lực xếp loại Trung bình trở lên 2551/2885 tỷ lệ 88,4% ; loại Yếu, Kém 334/2885 tỷ lệ 11,6%.)

ngành Giáo dục và Đào tạo huyện Đắk Glei được giao 1.015 chỉ tiêu và 17 chỉ tiêu cấp dưỡng theo Hợp đồng 68. Tổng số cán bộ, viên chức toàn ngành hiện có là 938 người¹⁷. Đội ngũ cán bộ quản lý đạt chuẩn về trình độ chuyên môn 83/83 chiếm tỷ lệ 100%. Cán bộ quản lý có trình độ trung cấp lý luận chính trị đạt 76/83 người chiếm tỷ lệ 91,56%. Đội ngũ giáo viên không ngừng tự bồi dưỡng và tham gia các lớp nâng cao trình độ chuyên môn, đến nay trình độ đạt chuẩn của giáo viên là 745/785 người đạt 94,9%

2.2. Dân số và Y tế:

- Chất lượng chăm sóc, bảo vệ sức khỏe Nhân dân được nâng lên. Mạng lưới y tế tiếp tục được củng cố và phát triển, cơ sở vật chất, trang thiết bị từng bước được đầu tư. Y tế dự phòng được đẩy mạnh, không để xảy ra các dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm. Công tác khám chữa bệnh cho người nghèo, người dân tộc thiểu số, trẻ em dưới 6 tuổi được quan tâm; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân giảm còn 17,4%¹⁸. Duy trì tốt 100% trạm y tế xã, thị trấn có bác sỹ và 100% thôn, làng có nhân viên y tế. Hiện có 12/12 xã (100%) đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế.

- Công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình đạt kết quả tích cực, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm từ 1,53% xuống còn 1,5%; quy mô dân số toàn huyện trên 49.674 người (đạt 100,96%). Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình được duy trì thực hiện bằng nhiều hình thức như: Duy trì mô hình sinh hoạt Câu lạc bộ không sinh con thứ 3 trở lên đã tổ chức sinh hoạt 54 lần/1.050 hội viên tham dự, 100% hội viên chấp hành tốt nội quy, quy chế của câu lạc bộ đề ra không có người vi phạm chính sách dân số; Công tác nhận, bảo quản cung cấp phương tiện tránh thai miễn phí, tiếp thị xã hội, xã hội hóa đến các đối tượng sử dụng đảm bảo, kịp thời¹⁹; tiếp tục tuyên truyền vận động nhân dân sử dụng dịch vụ KHHGD hiện đại.

- Công tác kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm tiếp tục chỉ đạo triển khai thực hiện.

2.3. Văn hóa - thể thao

- Hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao chuyển biến tích cực. Công tác khôi phục, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, truyền thống của các dân tộc được quan tâm²⁰; công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa các di tích lịch sử được chú trọng²¹. Các thiết chế văn hóa ở cơ sở được đầu tư

¹⁷ Bậc Mầm non 242 người (27 CBQL, 206 giáo viên, 09 nhân viên); Bậc Tiểu học 411 người (29 CBQL, 355 giáo viên, 27 nhân viên); Bậc THCS 285 người (27 CBQL, 224 giáo viên, 34 nhân viên).

¹⁸ Chỉ tiêu đến năm 2020 là 21,86%.

¹⁹ Cấp thuốc, phương tiện tránh thai miễn phí: 13.823 vỉ thuốc; 1442 lọ thuốc tiêm; 57 vòng tránh thai. Bán thuốc, PTTT nguồn Xã hội hóa được: 418 chiếc Bao cao su.

²⁰ Toàn huyện 80/93 (93,5%) thôn, làng có nhà Rông truyền thống.

²¹ Khu di tích lịch sử Ngục Đắk Glei, Di tích lịch sử chiến thắng Đắk Pek, làng kháng chiến Xốp Dùi.

xây dựng; phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và xây dựng cơ quan, đơn vị văn hóa được đẩy mạnh²²; 100% thôn, làng đã xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước và thành lập các tổ hòa giải.

- Phong trào thể dục, thể thao quần chúng phát triển khá mạnh; cơ sở hạ tầng, thiết chế thể thao được đầu tư²³; một số môn thể thao có bước phát triển và đạt giải cao tại các hội thao.

2.4 Thông tin - truyền thông

- Hoạt động Truyền thanh-Truyền hình tiếp tục phát triển và đạt kết quả tích cực²⁴, 80% thôn, làng có hệ thống loa truyền thanh không dây. Dịch vụ bưu chính, viễn thông phát triển rộng khắp²⁵.

- Công tác tuyên truyền được quan tâm, lồng ghép vào các sự kiện trọng đại trên địa bàn huyện. Thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc các tổ, đội, bộ phận thuộc các lĩnh vực chuyên môn thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch giao, bám sát kế hoạch của đơn vị triển khai thực hiện đạt kết quả²⁶.

²² Năm 2020, toàn huyện có 7.306/12.935 hộ đạt danh hiệu gia đình văn hóa, chiếm 56,4%; có 10 mô hình phòng chống bạo lực gia đình; 44 đơn vị văn hóa tăng 27 đơn vị so với đầu nhiệm kỳ; 73/93 thôn đạt danh hiệu thôn văn hóa đạt mục tiêu Nghị quyết đề ra, tỷ lệ xã có thiết chế văn hóa-thông tin đạt 91%, vượt so với chỉ tiêu tiêu Nghị quyết (80%)”

²³ Hiện trên địa bàn huyện có 01 nhà đa năng, 36 sân bóng đá, 97 sân bóng chuyền.

²⁴ Tiếp sóng Đài Truyền hình Việt Nam 34.675 giờ, tiếp sóng chương trình Đài Tiếng nói Việt Nam 8.735 giờ, phát tin địa phương trên hệ thống truyền thanh không dây của huyện 390 giờ. Cộng tác tin bài phát trên sóng Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh 2.250 tin, bài. Tham gia trang địa phương định kỳ trên sóng PT-TH tỉnh 30 chương trình.

²⁵ 100% xã, thị trấn được cung cấp dịch vụ điện thoại cố định và điện thoại di động 3G, 4G; 100% xã, thị trấn có báo đọc trong ngày. 100% xã có bưu điện văn hóa xã...

²⁶ - Tuyên truyền: Niềm vui của người dân thôn Tu Răng B, xã Mường Hoong khi có điện về thắp sáng; Huyện Đắk Glei, người dân nô nức đi sắm hàng hóa trong những ngày giáp tết Nguyên đán năm 2020; Huyện Đắk Glei ngày đi làm đầu tiên sau tết Nguyên đán Canh Tý năm 2020; Huyện Đắk Glei thiếu khẩu trang Y tế để bán về Hội người cao tuổi (10/5/1995-10/5/2020); Tuyên truyền Biển Đảo Việt Nam phần I; Tuyên truyền Biển Đảo Việt Nam phần II-III; Tuyên truyền Ngày Quốc tế Hạnh phúc 20/3; Lịch sử ra đời Ngày thể thao Việt Nam 27/3; Tuyên truyền 66 năm Ngày chiến thắng Điện Biên Phủ; Tuyên truyền bài viết của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước về công tác chuẩn bị nhân sự Đại hội; Huyện Đắk Glei phát huy truyền thống anh hùng cách mạng vững bước trên con đường đổi mới; Tuyên truyền công tác Đại hội Đảng bộ huyện Đắk Glei năm 2020-2025.

- Phong sự: Lễ giao, nhận quân năm 2020, tại huyện Đắk Glei; Huyện Đắk Glei nâng cao chất lượng y tế tuyến xã; Phòng GD & ĐT huyện Đắk Glei tổ chức Hội thi đồ dùng dạy học tự làm; Huyện Đắk Glei tăng cường công tác phòng chống dịch Covid-19; Điện lực huyện Đắk Glei thanh toán tiền điện bằng nhiều hình thức; Đắk Glei thi đua chào mừng Đại hội Đảng các cấp; Huyện Đắk Glei ra quân tháng thanh niên năm 2020. Huyện Đắk Glei thị trường hàng hóa trong thời điểm dịch bệnh Covid-19; chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi hướng đi thoát nghèo của nhiều hộ gia đình trên địa bàn huyện Đắk Glei; Huyện đoàn Đắk Glei tổ chức ra quân tháng thanh niên năm 2020; Huyện Đắk Glei hướng tới Đại hội Đảng các cấp Nhiệm kỳ 2020 - 2025; Huyện Đắk Glei 100% các chi bộ cơ sở tổ chức Đại hội Đảng nhiệm kỳ 2020-2025; Huyện Đắk Glei đẩy mạnh công tác phòng, chống dịch Covid -19; Người dân trên địa bàn huyện Đắk Glei cùng chung tay phòng, chống dịch bệnh Covid -19; Cách làm mới của ngành điện lực Đắk Glei trong việc thanh toán tiền điện, gắn với phòng, chống dịch bệnh viêm phổi cấp Covid-19; huyện Đắk Glei cách ly 22 người từ vùng dịch trở về; Huyện Đắk Glei những ngày chống dịch; Hội LHPN huyện Đắk Glei may khẩu trang phát, tặng miễn phí cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn; BCĐ phòng chống, dịch bệnh Covid-19, huyện Đắk Glei kiểm tra công tác phòng, chống dịch bệnh; Công tác phòng, chống dịch bệnh viêm phổi cấp Virus Corona ở huyện Đắk Glei; huyện Đắk Glei thiếu khẩu trang Y tế để bán trong thời điểm Covid-19; Nhân dân huyện Đắk Glei đồng lòng cùng cả nước phòng, chống dịch bệnh Covid-19; PS học sinh khối tiểu học, mầm non trở lại trường học tập sau dịch Covid -19

- Tổ Kỹ thuật: Phát sóng FM Đài tiếng nói Việt Nam thời lượng 300giờ (5giờ/ngày). Chương trình phát thanh tin địa phương 03 chương trình/tuần.

2.5 Lao động, việc làm, đời sống nhân dân và các vấn đề xã hội

a. Lao động nông thôn

- Sau hơn 10 năm thực hiện Đề án Đào tạo nghề cho lao động nông thôn, trên địa bàn huyện đã đạt được những kết quả nhất định. Nhờ chú trọng thực hiện nhiều giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo (*Phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý dạy nghề; kịp thời cập nhật các tiến bộ của khoa học kỹ thuật; tăng cường kiểm tra, giám sát các lớp dạy nghề; ...*) nên chất lượng đào tạo nghề đã được nâng lên, nghề đào tạo phù hợp với nhu cầu của người dân và đáp ứng yêu cầu sản xuất của địa phương. Sau khi hoàn thành khóa đào tạo, 100% lao động nông thôn đều tự tạo việc làm cho bản thân, tuy phần lớn lao động nông thôn vẫn làm nghề cũ nhưng đã được nâng cao tay nghề, áp dụng được khoa học kỹ thuật vào sản xuất nhằm tăng thu nhập và cải thiện cuộc sống. Kết quả đạt được trong giai đoạn 2016-2019 đào tạo 1.207 người²⁷.

b. Bảo đảm an sinh xã hội, công tác giảm nghèo

- An sinh xã hội, phúc lợi xã hội được đảm bảo. Đã quan tâm chỉ đạo tổ chức thực hiện Luật BHXH, Luật BHYT; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được nâng lên, tỷ lệ bao phủ BHYT đạt lên 98,4%. Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo đạt được nhiều kết quả quan trọng; bình quân giảm 5,82%/năm, hộ nghèo của huyện từ 38,18% (cuối năm 2016) xuống còn 26,88% (cuối năm 2019). Phong trào đền ơn đáp nghĩa; các chính sách an sinh xã hội, chế độ chính sách đối với gia đình liệt sĩ, người có công được thực hiện kịp thời theo đúng quy định.

2.6. Công tác dân tộc, tôn giáo

- Công tác quản lý Nhà nước về dân tộc, tôn giáo ngày càng hiệu quả, các tôn giáo được Nhà nước công nhận đều được tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động theo đúng quy định của pháp luật. Công tác dân tộc tiếp tục được chú trọng; việc bố trí đất ở, nhà ở, đất sản xuất được quan tâm với 279 hộ, kinh phí 113 tỷ đồng. Các chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo được triển khai thực hiện có hiệu quả, góp phần nâng cao đời sống vật chất tinh thần của nhân dân các dân tộc, tôn giáo và củng cố xây dựng khối đại đoàn kết các dân tộc trên địa bàn.

2.7. Tác động, ảnh hưởng của dịch Covid-19 và giải pháp, chính sách ứng phó trong và sau thời điểm dịch trên địa bàn huyện

a) Công tác phòng, chống dịch Covid-19

- Ủy ban nhân dân huyện Thành lập Ban Chỉ đạo phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid-19, đồng thời chuẩn bị sẵn sàng kế hoạch, phương án, cơ sở thuốc, trang thiết bị y tế, khu vực tiếp nhận và cách ly các ca bệnh nghi mắc Covid-19 theo quy định. Trên tinh thần “chống dịch như chống giặc”, Ủy ban nhân dân huyện và Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch Covid-19

²⁷ Trong đó: Nghề Nông nghiệp 963 người, nghề phi Nông nghiệp 244 người.

huyện đã kịp thời chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện tốt các văn bản của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng chống dịch Covid-19, Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy với tinh thần quyết liệt, trách nhiệm cao, tuyệt đối không chủ quan trong công tác phòng, chống dịch; đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành các đơn vị, địa phương và nhân dân trên địa bàn toàn huyện nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công tác phòng, chống dịch Covid-19.

- Tiến hành phun khử trùng môi trường các trường học và nơi công cộng trên địa bàn toàn huyện. Chỉ đạo các Trạm Y tế, phòng Khám đa khoa khu vực tham mưu Ủy ban nhân dân các xã/thị trấn ra Quyết định Thành lập Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid-19 triển khai thực hiện. Tiến hành phun khử khuẩn 216 điểm (trường học, nhà nghỉ, khách sạn và nơi công cộng...) trên địa bàn huyện.

- Trên địa bàn huyện có 23 cơ sở cách ly tập trung (*Trong đó 04 cơ sở do tỉnh thành lập²⁸, 19 cơ sở cách ly²⁹ do huyện thành lập trên địa bàn 09 xã*); chỉ đạo thực hiện nghiêm các biện pháp cách ly tại các khu cách ly tập trung và cách ly tại nhà, tiếp tục giám sát y tế sau khi hoàn thành cách ly tập trung; các biện pháp hạn chế tập trung đông người trong thời gian giãn cách xã hội; vận động người dân khai báo sức khỏe trên phần mềm NCOVI và cài đặt phần mềm Bluezone; tiếp tục triển khai thực hiện các biện pháp để thực hiện thắng lợi mục tiêu kép vừa đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội vừa phòng chống dịch Covid-19 hiệu quả...

- Tính đến nay (ngày 25 tháng 9 năm 2020), tổng số người được theo dõi, cách ly tập trung tại các khu cách ly tập trung và các cơ sở y tế do nghi nhiễm Covid-19 trên địa bàn huyện là 438 người, trong đó có 436 người đã hoàn thành theo dõi, cách ly; còn lại 02 người đang được tiếp tục theo dõi, cách ly; tổng số người cách ly và hoàn thành cách ly tại nhà là 1.043 người, trong đó 1.043 người người hết thời gian cách ly theo quy định. Tính đến thời điểm hiện nay, trên địa bàn huyện chưa ghi nhận trường hợp mắc bệnh Covid-19.

b) Tác động của dịch Covid-19 đến tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện

²⁸ Trung tâm GDNN&GDTX huyện Đắk Glei, Trường PTDT Nội trú huyện Đắk Glei, Đại đội C189 cũ, Trung tâm Y tế.

²⁹ Quyết định thành lập khu cách ly tập trung phòng, chống dịch Covid-19 số 376/QĐ-UBND ngày 02/4/2020 của UBND huyện Đắk Glei bao gồm: Trường phổ thông DTBT – THCS xã Đắk Long, Trạm quản lý bảo vệ rừng thuộc Ban Quản lý rừng phòng hộ Đắk Glei, Trạm quản lý bảo vệ rừng thuộc Ban Quản lý rừng phòng hộ Đắk Glei, trường THCS xã Đắk Kroong, trường Tiểu học xã Đắk Kroong, Nhà Văn hóa xã Đắk Kroong, Nhà nghỉ Phương Thảo, Nhà nghỉ Tây Nguyên, trường PTDTBT-THCS xã Đắk Nhoong, Trạm Y tế xã Đắk Plô, trường THCS xã Đắk Plô, trường Tiểu học- THCS xã Đắk Man, Trụ sở Ban quản lý rừng phòng hộ Đắk Plô, trường PTDTBT-THCS xã Đắk Choong, Trạm y tế xã Đắk Choong, trường phổ thông TH Phân hiệu Lương Thế Vinh, trường PTDTBT-THCS xã Mùòng Hoong, trường PTDTBT-THCS xã Ngọc Linh, điểm trường Mầm non xã Ngọc Linh.

Dịch bệnh Covid-19 đã tác động, ảnh hưởng lớn đến nhiều mặt của đời sống kinh tế, xã hội trong huyện: giá cả sản phẩm nông nghiệp bấp bênh, nhân dân giảm thu nhập nên cũng phần nào ảnh hưởng đến tâm lý của bà con nông dân sản xuất nông nghiệp; nhiều trường hợp không có việc làm ổn định, gánh nặng lãi suất ngân hàng đến hạn, các khoản thuế, phí, bảo hiểm...; các loại vật tư phục vụ cho phòng, chống dịch khan hiếm, giá cao,...; Hoạt động các ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống cũng bị tác động mạnh, doanh thu giảm; các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải hành khách chỉ hoạt động cầm chừng. Số lượng xe kinh doanh giảm đáng kể vì tâm lý, nhu cầu của người dân và quy định phải giãn cách để phòng tránh lây nhiễm.

c) Giải pháp, chính sách ứng phó trong và sau thời điểm dịch Covid-19

- Tiếp tục tập trung thực hiện quyết liệt các chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh trong công tác phòng chống dịch trên địa bàn huyện, nhất là trong tình hình dịch Covid-19 bùng phát trở lại; theo dõi, nắm chắc diễn biến tình hình dịch bệnh Covid-19 để kịp thời chỉ đạo, chuẩn bị mọi điều kiện về nhân lực và vật chất để sẵn sàng ứng phó với các tình huống; đẩy mạnh tuyên truyền một cách đầy đủ về các biện pháp phòng chống dịch để đề cao cảnh giác.

- Nêu cao tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ “khó khăn gấp hai thì phải nỗ lực, cố gắng gấp ba”. Để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, thu hút đầu tư, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, huyện đã tích cực tuyên truyền mạnh mẽ và triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời hiệu quả các chỉ đạo, giải pháp của Trung ương, của tỉnh về đẩy mạnh sản xuất, phục hồi kinh tế sau dịch bệnh Covid-19, như: Kết luận số 77-KL/TW ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Bộ Chính trị về chủ trương khắc phục tác động của đại dịch Covid-19 để phục hồi và phát triển nền kinh tế đất nước; Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 04 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, đảm bảo an sinh xã hội ứng phó với dịch covid-19; Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, đảm bảo trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Đẩy nhanh tiến độ đầu tư, giải ngân vốn đầu tư phát triển gắn với kiểm soát chặt chẽ chất lượng công trình; tiếp tục quán triệt tinh thần “chống dịch như chống giặc” và thực hiện “nhiệm vụ kép” vừa phòng, chống dịch vừa phát triển kinh tế - xã hội nhằm duy trì được sự liên tục của hoạt động sản xuất ở mức độ nhất định để khôi phục kinh tế và thúc đẩy tăng trưởng, bảo đảm sự ổn định căn bản, lâu dài về việc làm và an sinh xã hội.

3. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

3.1. Quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

- UBND huyện đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo các cơ quan đơn vị, UBND các xã, thị trấn tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực

khoáng sản; tổ chức quán triệt, triển khai, thực hiện nghiêm túc, quyết liệt những quy định của pháp luật hiện hành về khoáng sản, các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ³⁰.

- Công tác bảo vệ môi trường được quan tâm, đã quy hoạch xây dựng bãi xử lý rác thải của huyện và đầu tư trang thiết bị phục vụ công tác vệ sinh môi trường; nhiều xã đã hoàn thành tiêu chí nông thôn mới về môi trường, góp phần giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường. Công tác khắc phục hậu quả thiên tai được triển khai kịp thời, hiệu quả, hạn chế thấp nhất được thiệt hại. Đã triển khai kịp thời, hiệu quả các biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.

3.2. Phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

Công tác phòng chống, giảm nhẹ và khắc phục hậu quả thiên tai được chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt. Nghiêm túc triển khai thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai; thường xuyên theo dõi tình hình diễn biến thời tiết, khí hậu trên địa bàn huyện để kịp thời chỉ đạo về công tác phòng chống thiên tai bão lũ, công tác phòng chống hạn hán trên địa bàn huyện. Bên cạnh đó, chỉ đạo các địa phương chủ động ứng phó, ứng cứu kịp thời khi có thiên tai xảy ra.

Thường xuyên tuyên truyền, cảnh báo thiên tai, bảo đảm thông tin chỉ đạo của cấp trên đến từng thôn, làng, người dân, đặc biệt ở các khu vực vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới. Kiểm tra, rà soát các khu vực trọng điểm, xung yếu (*vùng ven sông, suối, ven sườn núi, ven sườn đồi dễ bị sạt lở, vùng trũng...*); kịp thời chỉ đạo các địa phương, đơn vị triển khai các biện pháp khắc phục hậu quả thiên tai, sớm ổn định đời sống người dân bị ảnh hưởng.

Việc quản lý, sử dụng các nguồn tài nguyên gắn với bảo vệ môi trường; bảo vệ khoáng sản, bảo vệ và phát triển rừng, nâng độ che phủ rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học... được đẩy mạnh thực hiện.

4. Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại

- Đã kịp thời cụ thể hóa, tuyên truyền, quán triệt và triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quốc phòng, an ninh³¹. Đã chủ động phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn với âm mưu “Diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, phản động. Thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, thế trận biên phòng toàn dân được

³⁰ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ, Thông báo số 325/TB-VPCP ngày 25 tháng 7 năm 2017, Thông báo số 142/TB-VPCP ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Văn phòng Chính phủ và các quy định, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Quyết định số 568/QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2017 về Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Kon Tum, Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2018 về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum và Công văn số 245/UBND-NNTN ngày 30 tháng 01 năm 2019 về tăng cường công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực khai thác cát sỏi, nhằm nâng cao năng cao trách nhiệm, nhận thức của cấp ủy, chính quyền địa phương trong việc ngăn chặn tình trạng khai thác cát sỏi trái phép.

³¹ Chiến lược bảo vệ Tổ quốc, Chiến lược Quốc phòng Việt Nam, Chiến lược an ninh quốc gia, Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia, Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng, Chiến lược an ninh mạng quốc gia...

hình thành và phát huy hiệu quả; sức mạnh tổng hợp và khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang ngày càng được nâng lên, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong mọi tình huống. Đã chuẩn bị chu đáo nội dung và tổ chức thành công diễn tập khu vực phòng thủ huyện năm 2018, đạt kết quả Tốt; đồng thời, chỉ đạo diễn tập chiến đấu phòng thủ kết hợp diễn tập quy chế³² cho 12/12 xã, thị trấn, kết quả đạt loại khá trở lên. Công tác bồi dưỡng, giáo dục kiến thức quốc phòng, an ninh đảm bảo đúng kế hoạch³³; tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ hàng năm đạt 100% chỉ tiêu³⁴. Đã chỉ đạo thực hiện công tác xây dựng Đảng gắn với xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên, đảm bảo số lượng, cơ cấu hợp lý, đủ sức hoàn thành tốt nhiệm vụ; đến nay, tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân đạt 20,8%³⁵ (đạt 130%). Thường xuyên tổ chức tuần tra kiểm soát địa bàn giữ vững đường biên, cột mốc, chủ quyền lãnh thổ.

- An ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn huyện ổn định. Lãnh đạo các cấp, các ngành đã tăng cường công tác nắm tình hình, giải quyết tốt các vấn đề nổi cộm, bức xúc liên quan đến an ninh, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội được quan tâm³⁶. Đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác quản lý Nhà nước về quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, bảo vệ tài nguyên, khoáng sản³⁷, nhờ vậy tình trạng vi phạm về khai thác, mua bán, vận chuyển lâm sản, khai thác khoáng sản trái pháp luật được kiểm soát và kiềm chế đáng kể.

- Đã tập trung lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách tư pháp, trọng tâm là nâng cao chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; đấu tranh, xử lý tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật. Tiếp công dân và giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân được thực hiện đảm bảo theo quy định, kịp thời xử lý có hiệu quả các vụ việc khiếu kiện, tranh chấp phức tạp, kéo dài. Công tác thanh tra, kiểm tra được thực hiện hiệu quả, đúng quy định; công

³² Diễn tập quy chế phối hợp theo các Nghị định 74, 133, 34 của Chính phủ

³³ Bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh đối tượng II: 12 người; đối tượng III: 55 người; đối tượng IV: 801 người; già làng 70 người.

³⁴ Năm 2015: 85 công dân; năm 2016: 85 công dân; năm 2017: 70 công dân; năm 2018: 85 công dân; năm 2019: 85 công dân; năm 2020: 96 công dân.

³⁵ Chỉ tiêu Nghị quyết đến năm 2020 đạt 16%.

³⁶ Từ năm 2015 đến tháng 6/2019, đã phát hiện 148 vụ, 218 đối tượng phạm pháp hình sự, kinh tế, môi trường, ma túy (tội phạm và vi phạm pháp luật về TTXH: 127 vụ, 196 đối tượng; tội phạm về kinh tế, môi trường: 18 vụ, 19 đối tượng; tội phạm ma túy: 03 vụ, 03 đối tượng). Tổng số án thụ lý 111 vụ, 128 bị can, tỉ lệ điều tra, khám phá các vụ án đạt trên 70%. Tỉ lệ giải quyết tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố hàng năm luôn đạt trên 90%.

³⁷ Chỉ thị 01-CT/HU ngày 10-02-2017 của BTV Huyện ủy về tăng cường công tác lãnh đạo quản lý, bảo vệ phát triển rừng và quản lý lâm sản; Kế hoạch 88-KH/HU ngày 18-10-2017 của Huyện ủy thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12-01-2017 của Ban Bí thư Trung ương “về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng” trên địa bàn huyện...

tác đấu tranh phòng chống tham nhũng được triển khai tích cực³⁸. Trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp, người đứng đầu trong việc tiếp công dân, đối thoại với Nhân dân, giải quyết, xử lý khiếu nại, tố cáo của công dân được thực hiện nghiêm túc³⁹.

- Công tác quan hệ đối ngoại với các huyện giáp biên của nước CHDCND Lào được củng cố và phát triển; các hoạt động tiếp xúc, trao đổi, phối hợp tổ chức các hội nghị thường niên được thực hiện theo đúng quan điểm, chính sách đối ngoại của Đảng, pháp luật của Nhà nước và điều kiện cụ thể của địa phương⁴⁰. Hoạt động giao thương, thăm thân giữa các xã biên giới của huyện và các cụm bản phía bạn Lào được thực hiện theo đúng các quy định, hiệp định.

5. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp

5.1. Về cải cách thủ tục hành chính, hình thành Trung tâm hành chính công cấp huyện

Trên cơ sở các Quyết định của các bộ ngành, UBND tỉnh về công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện và cấp xã. UBND huyện đã chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn và UBND các xã, thị trấn tiến hành rà soát TTHC thuộc thẩm quyền của đơn vị, địa phương, để kịp thời phát hiện, kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ TTHC không phù hợp. Nhận thức của các ngành và UBND các xã, thị trấn đối với công tác kiểm soát thủ tục hành chính được nâng lên qua việc chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính và truyền thông về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính; phát huy được vai trò của cán bộ làm đầu mối kiểm soát thủ tục hành chính trong việc tham mưu thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính tại ngành, địa phương. Từ đó, góp phần không nhỏ trong công tác tăng cường xúc tiến đầu tư, hỗ trợ khởi nghiệp trên địa bàn huyện.

Tổ chức thực hiện nghiêm túc cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời công khai minh bạch quy trình giải quyết thủ tục hành chính, thông tin liên quan đến đầu tư, đất đai, cơ chế chính sách, các dự án, quy hoạch, kế hoạch trên Trang thông tin điện tử của huyện. Đài truyền thanh - Truyền hình huyện để tổ chức, cá nhân có nhu cầu được tiếp cận thông tin dễ dàng.

5.2. Phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo

- Đã triển khai quyết liệt, có hiệu quả các chỉ đạo của Trung ương và các giải pháp phòng, chống tham nhũng; rà soát, chấn chỉnh, xử lý nghiêm các hành

³⁸ Đã tiến hành thanh tra 21 cuộc, qua thanh tra đã phát hiện sai phạm với số tiền 5.387.056.868 đồng; đã kiến nghị thu hồi với số tiền 1.351.376.126 đồng.

³⁹ Đã tiếp nhận 105 đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân, trong đó có 73 đơn thuộc thẩm quyền (chiếm 69,5%), đã giải quyết xong 69 đơn (đạt 95,8%); 36 đơn không thuộc thẩm quyền giải quyết (chiếm 34,2%).

⁴⁰ Hằng năm đều luân phiên tổ chức hội nghị thường niên giữa 03 huyện Đăk Glei với huyện Xá Xay-Attapur và huyện Đăk Chung-Sê Kông (Nước CHDCND Lào) và tổ chức thăm, chúc Tết cổ truyền, chúc mừng đại hội và các ngày lễ lớn của 02 huyện giáp biên, nước CHDCND Lào.

vi tiêu cực, tham nhũng trong các cơ quan, đơn vị. Công tác thanh tra, kiểm tra được chỉ đạo thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, nghiêm túc, nhằm uốn nắn, chấn chỉnh kịp thời các thiếu sót, lệch lạc.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (sau đây viết tắt là *THTKCLP*) năm 2013, các văn bản chỉ đạo của Trung ương⁴¹ và các văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh⁴² về *THTKCLP*. UBND huyện đã ban hành Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 28 tháng 04 năm 2020 về Chương trình hành động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020. Trong đó, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị xây dựng chương trình, kế hoạch về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2020 để triển khai thực hiện, thường xuyên phổ biến, quán triệt, kiểm tra, nhắc nhở đến từng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động về công tác *THTKCLP*, xác định việc thực hiện công tác *THTKCLP* là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên và đưa kết quả thực hiện thành nội dung xem xét, đánh giá thi đua hằng năm. Đồng thời, kết hợp chặt chẽ việc tuyên truyền, vận động *THTKCLP* với đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong từng cơ quan, đơn vị và cộng đồng dân cư. Qua đó, nhận thức về *THTKCLP* của cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức và người dân đã từng bước được nâng lên.

- Công tác tiếp dân chỉ đạo thực hiện quyết liệt, đạt nhiều kết quả tích cực. Chủ tịch UBND huyện, Ban tiếp công dân huyện đã thực hiện công tác tiếp công dân định kỳ theo quy định.

II. NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM, NGUYÊN NHÂN.

1. Những hạn chế, yếu kém

1.1. Về kinh tế:

Kinh tế tăng trưởng chưa bền vững; chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, việc gắn kết giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế. Tiến độ thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới chưa đạt mục tiêu đề ra⁴³. Nông nghiệp phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của huyện; năng suất một số loại cây trồng chưa cao; chưa phát huy thế mạnh về chăn nuôi.

Kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội còn thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Việc huy động nguồn lực để đầu tư phát triển còn gặp nhiều khó khăn. Công tác quy hoạch, quản lý, sử dụng tài nguyên chưa thật hiệu quả; quản

⁴¹ Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí và Quyết định số 2544/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019.

⁴² Quyết định số 304/QĐ-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2016 về Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2016-2020 và Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 18 tháng 04 năm 2019 về Chương trình hành động của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2019.

⁴³ Đến nay mới có 02/04 xã đạt chuẩn nông thôn mới (đạt 50% chỉ tiêu NQ).

lý đất đai, quản lý trật tự đô thị và công tác quản lý quy hoạch có mặt chưa tốt; tình trạng xây dựng trái phép, lấn chiếm đất đai, vi phạm quy hoạch và hành lang an toàn giao thông còn xảy ra.

Mô hình hợp tác xã phát triển chậm, chưa xây dựng được các hợp tác xã kiểu mới, quy mô lớn. Doanh nghiệp trên địa bàn huyện chủ yếu có quy mô nhỏ, năng lực cạnh tranh thấp, ngành nghề kinh doanh chưa đa dạng, hiệu quả hoạt động chưa cao. Hoạt động thương mại, dịch vụ ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa chậm phát triển, chưa làm tốt vai trò tiêu thụ sản phẩm hàng hóa cho nông dân; thương mại biên giới, nhất là qua 02 cặp cửa khẩu phụ chậm phát triển. Việc đăng ký thương hiệu cho các sản phẩm chủ lực của huyện chưa nhiều.

Công tác phối hợp giữa các địa phương, các ban, ngành, đoàn thể từ huyện đến cơ sở trong công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới chưa chặt chẽ.

1.2. Về văn hóa-xã hội:

Chất lượng giáo dục ở một số điểm trường vùng sâu, vùng xa còn thấp. Công tác tuyên truyền tham gia đào tạo nghề nông thôn còn hạn chế. Cơ sở vật chất còn hạn chế, còn nhiều phòng học xuống cấp nghiêm trọng; nhiều phòng học còn tạm bợ; phòng học mượn hội trường thôn, nhà rông, nhà dân⁴⁴.

Chất lượng khám, chữa bệnh tuy được nâng lên nhưng còn chậm và chưa đáp ứng yêu cầu xã hội; trình độ, năng lực chuyên môn của một số đội ngũ y, bác sỹ có mặt còn hạn chế. Phương tiện, trang thiết bị hiện đại phục vụ cho nhu cầu khám, điều trị bệnh còn thiếu, chưa đáp ứng được yêu cầu.

Mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân còn thấp và không đồng đều giữa các vùng; chưa chú trọng bảo tồn và phát huy có hiệu quả giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc. Hệ thống các thiết chế văn hóa, thể dục thể thao từ huyện đến cơ sở chưa đồng bộ, hiệu quả sử dụng còn thấp; hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao chưa đa dạng, phong phú. Một số di tích lịch sử chậm được khôi phục, tôn tạo.

Kết quả giảm nghèo chưa thực sự bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao; tâm lý trông chờ ỷ lại vào nhà nước vẫn còn tồn tại ở một bộ phận nhân dân.

1.3. Về quốc phòng-an ninh:

Trật tự an toàn xã hội có lúc, có nơi còn xảy ra vi phạm pháp luật. Việc đấu tranh, phát hiện, ngăn chặn, xử lý tình trạng khai thác, vận chuyển lâm sản, khai

⁴⁴ Phòng học tạm 02 phòng của các đơn vị: Trường MN xã Đăk Choong 01 phòng (phòng kho thôn Đăk Lây); Trường TH xã Mường Hoong 01 phòng (thôn Tu Chiêu A). Phòng học mượn 07 phòng của các đơn vị: Trường MN xã Đăk Pék 01 phòng, ở làng Đăk Đoát (mượn nhà rông của thôn); Trường TH xã Mường Hoong 01 phòng, ở làng Tân Túc (mượn phòng học của trường MN); Trường TH Võ Thị Sáu 01 phòng, ở làng Đăk Đoát (mượn hội trường thôn); Trường TH xã Đăk Kroong 03 phòng, ở làng Đăk Xút (01 phòng chờ của giáo viên), ở làng Đăk Túc 02 phòng; Trường TH xã Đăk Môn 01 phòng, ở làng Kon Boon (mượn hội trường UBND xã cũ);

thác khoáng sản trái pháp luật có lúc, có nơi chưa kịp thời. Công tác kiểm tra, kiểm soát người, phương tiện ra, vào hoạt động, cư trú ở khu vực biên giới đôi lúc chưa chặt chẽ. Công tác nắm tình hình, phòng ngừa và xử lý dấu hiệu hoạt động tín dụng đen có mặt còn hạn chế. Việc điều tra một số vụ việc, vụ án chưa đáp ứng được yêu cầu. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật có nơi chưa được quan tâm đúng mức.

2. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém

2.1. Nguyên nhân khách quan: Địa bàn của huyện rộng, chia cắt phức tạp, vị trí địa lý không thuận lợi nên khó khăn trong thu hút đầu tư vào địa bàn; nguồn lực của huyện còn hạn chế, kết cấu hạ tầng có nhiều yếu kém; dịch bệnh diễn biến phức tạp (dịch sốt xuất huyết, ảnh hưởng dịch Covid-19, dịch tả lợn Châu phi, dịch LMLM ở gia súc...); hạn hán có thời điểm kéo dài, trên diện rộng; giá cả thị trường có nhiều biến động gây khó khăn cho sản xuất; Thời tiết, khí hậu khắc nghiệt diễn biến khó lường; đời sống vật chất và tinh thần của một bộ phận nhân dân, nhất là vùng sâu, vùng xa còn gặp nhiều khó khăn.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

Năng lực, trình độ một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa theo kịp yêu cầu, nhiệm vụ mới. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền có lúc, có nơi còn hạn chế; chưa khai thác, phát huy hiệu quả các tiềm năng, thế mạnh của huyện. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của một số cơ quan, đơn vị chưa sâu sát, quyết liệt; ý thức trách nhiệm thực thi công vụ, vai trò tham mưu của một số cơ quan, đơn vị và một bộ phận cán bộ, công chức chưa cao. Một số ngành, cấp ủy, chính quyền địa phương chưa bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ Nghị quyết Đại hội XVIII Đảng bộ huyện để lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, chưa chủ động, năng động, sáng tạo, quyết liệt trong triển khai thực hiện nhiệm vụ, chưa kiên trì thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra. Hiệu quả hoạt động hệ thống chính trị ở cơ sở nhiều nơi còn hạn chế.

Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành có mặt chưa tốt; công tác kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ có lúc, có nơi chưa thường xuyên, kịp thời; người đứng đầu một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong điều kiện, tình hình mới.

Một bộ phận Nhân dân chưa có ý thức vươn lên thoát nghèo, tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước, vào cấp trên trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân chưa được khắc phục.

3. Đánh giá chung:

Qua 5 năm thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh huyện Đắk Glei giai đoạn 2016-2020, nhìn chung tình hình các mặt công tác của huyện đều có sự chuyển biến và đạt được nhiều kết quả tích cực: Kinh tế có sự

phát triển nhanh. Văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ. Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội được giữ vững; hoạt động đối ngoại được tăng cường. Xây dựng Đảng và hệ thống chính trị đạt nhiều kết quả quan trọng.

Qua đó đã thể hiện được sự nỗ lực của cấp ủy, chính quyền và nhân dân huyện nhà trong nhiệm kỳ vừa qua. Những thành tựu trên đã và đang tạo tiền đề quan trọng cho bước phát triển đi lên về mọi mặt của huyện trong nhiệm kỳ tới.

* **Tuy nhiên**, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một vài chỉ tiêu không đạt Nghị quyết đề ra (*thu nhập bình quân đầu người; lương thực bình quân đầu người; số xã đạt chuẩn nông thôn mới...*). Việc khai thác nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội của huyện còn khiêm tốn. Hệ thống kết cấu hạ tầng của huyện còn yếu. Công tác quản lý, bảo vệ rừng, tài nguyên khoáng sản có lúc, có nơi chưa tốt. Tình hình an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn nhiều yếu tố mất an ninh trật tự. Giá cả một số mặt hàng thiết yếu phục vụ nhu cầu lao động, sản xuất thường xuyên biến động làm ảnh hưởng hoạt động của doanh nghiệp và đời sống của cán bộ, công chức và nhân dân. Một số cán bộ, công chức, viên chức chưa được chuẩn hóa, chưa có nhiều kinh nghiệm trong thực tiễn làm ảnh hưởng không nhỏ đến công tác tham mưu, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Phần thứ hai:

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG-AN NINH GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi:

Huyện Đắk Glei nằm dọc theo Quốc lộ 14 (đường Hồ Chí Minh) thuận lợi về giao thông; có lợi thế với 02 cặp cửa khẩu phụ (Đắk Long-Văn Tắt; Đắk Plô-Đắk Ba); có thế mạnh về tài nguyên đất, rừng, cây công nghiệp, cây dược liệu và chăn nuôi gia súc; có tiềm năng về thủy điện, khoáng sản, du lịch sinh thái. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định. Đảng và Nhà nước tiếp tục có nhiều chính sách đặc thù đối với miền núi, vùng cao nói chung và khu vực Tây Nguyên nói riêng. Các chính sách giảm nghèo, chính sách dân tộc, chính sách an sinh xã hội; các công trình, dự án tiếp tục được đầu tư triển khai thực hiện trên địa bàn, góp phần quan trọng để huyện Đắk Glei huy động và khai thác có hiệu quả mọi nguồn lực để phát triển nhanh và bền vững hơn trong thời gian tới.

Mặt khác, Nhân dân các dân tộc trên địa bàn huyện có truyền thống đoàn kết, luôn tin tưởng vào sự nghiệp đổi mới của đất nước. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ; hiệu lực hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị

tiếp tục được nâng lên, sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ không ngừng được củng cố; đội ngũ cán bộ ngày càng được chuẩn hóa về mọi mặt, có năng lực trong thực tiễn, năng động, sáng tạo, đủ khả năng đảm nhận và hoàn thành tốt nhiệm vụ trong tình hình mới.

2. Khó khăn:

Là huyện miền núi, biên giới, trên 90% dân số là đồng bào dân tộc thiểu số; kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội còn gặp nhiều khó khăn; nhu cầu về vốn đầu tư lớn nhưng khả năng đáp ứng còn hạn chế. Dân số sống phân tán, chất lượng nguồn nhân lực thấp; kinh tế phụ thuộc lớn vào nông nghiệp. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu ngày càng rõ nét; dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi ngày càng phức tạp.

Tình hình chính trị và kinh tế trên thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, đại dịch Co víc 19 trên toàn cầu, ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của những năm đầu thực hiện kế hoạch và làm chậm đà phát triển, ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội...

Năng lực lãnh đạo, quản lý điều hành về kinh tế-xã hội của các cấp, các ngành có mặt còn hạn chế; chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở một số nơi chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Mặt trái của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế đã và đang tác động không nhỏ đến tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên và thanh niên; tình hình tội phạm và vi phạm pháp luật còn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp.

Các thế lực thù địch, phản động tiếp tục và gia tăng thực hiện các âm mưu, hoạt động chống phá đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước; chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Tình hình thế giới, trong nước, trong tỉnh tạo ra cả thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen lẫn nhau đã và đang đòi hỏi phải đổi mới, năng động, sáng tạo, quyết liệt hơn trong công tác lãnh đạo, quản lý và đặt ra yêu cầu lớn hơn đối với việc giữ vững ổn định an ninh chính trị và phát triển kinh tế-xã hội của huyện.

II. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

Tăng cường, phát huy sức mạnh đại đoàn kết các dân tộc; khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; tiếp tục thực hiện ba lĩnh vực đột phá; phát triển văn hóa xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; công tác lao động việc làm, giảm nghèo nhanh; phát triển Du lịch trên địa bàn huyện; đảm bảo an ninh quốc phòng; xây dựng huyện Đắk Glei ổn định và phát triển.

III. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2025

1. Về kinh tế: Tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất các ngành (giá so sánh 2010) đạt 16,45%; Giá trị sản xuất (theo giá hiện hành) là 5,176 tỷ

đồng; Cơ cấu tổng sản phẩm theo ngành: nông-lâm-thủy sản 39%, công nghiệp-xây dựng 26,5%, thương mại-dịch vụ 34,5%; Giá trị sản xuất (giá so sánh 2010) 3.840 tỷ đồng. Diện tích trồng rừng đến năm 2025 đạt trên 300 ha; độ che phủ của rừng 72,7% trở lên; Thu ngân sách nhà nước tại địa bàn đạt trên 52 tỷ đồng; Thu nhập bình quân đầu người đạt trên 48 triệu đồng; Có thêm 4 xã đạt 19 tiêu chí nông thôn mới nâng tổng số xã đạt nông thôn mới lên 06 xã. Có trên 615 ha dược liệu, trong đó có trên 585 ha Đảng sâm, trên 15 ha Sâm Ngọc Linh và trên 15 ha dược liệu khác; Diện tích cây trồng hằng năm chủ yếu 6.980 ha. Diện tích cây trồng lâu năm 3.592 ha Đàn gia súc đạt 35.475 con. Tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải rắn đạt từ 75% trở lên; 100% cơ sở kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường. 100% tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh. 100% tỷ lệ hộ dùng điện.

2. Về văn hóa-xã hội: Dân số trung bình đạt 53.210 người; Tỷ lệ học sinh được phân luồng sau THCS đạt ít nhất 30%; Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt thêm 03 trường; phổ cập THCS độ tuổi 15-18 phần đầu đạt tỷ lệ trên 85%; xóa mù chữ độ tuổi từ 15 đến 60 tuổi phần đầu đạt tỷ lệ trên 96%. Tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo 10,4%. Tỷ lệ tham gia BHYT đạt 98% dân số; BHXH đạt 18,69% lực lượng lao động. Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 11,75%; bình quân mỗi năm giảm 6%. Phần đầu 93 thôn làng đều có nhà rồng hoặc hội trường thôn; 81% số xã có nhà văn hóa; 93% thôn đạt danh hiệu thôn văn hóa; 70% hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa.

3. Về quốc phòng-an ninh; công tác đối ngoại: 100% xã, thị trấn vững mạnh về quốc phòng và an ninh; Hằng năm tỷ lệ điều tra khám phá án đạt 75% trở lên.

IV. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Lĩnh vực kinh tế

1.1. Phát triển các ngành kinh tế

a. Mục tiêu, nhiệm vụ:

- Đến năm 2025 tốc độ tăng trưởng chung 16,45%, trong đó ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản 15,79%; Ngành công nghiệp, xây dựng 17,11%; Ngành Thương mại, dịch vụ 16,54%.

- Phần đầu đến năm 2025 cơ cấu ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 39,0%; Ngành công nghiệp, xây dựng 26,5%; Ngành Thương mại, dịch vụ 34,5%.

- Tổng giá trị sản xuất theo giá hiện hành chung của các ngành là 5.176 tỷ đồng, trong đó giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản 2.017 tỷ đồng; giá trị sản xuất Ngành công nghiệp, xây dựng 1.369 tỷ đồng; giá trị sản xuất Ngành Thương mại, dịch vụ 1.790 tỷ đồng.

- Tổng giá trị sản xuất theo giá so sánh 2010 chung của các ngành là 3.840 tỷ đồng, trong đó giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản 1.256 tỷ đồng; giá trị sản xuất Ngành công nghiệp, xây dựng 1.054 tỷ đồng; giá trị sản xuất Ngành Thương mại, dịch vụ 1.530 tỷ đồng.

b. Giải pháp, biện pháp triển khai thực hiện:

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch, gắn với chỉnh trang đô thị. Tăng cường xúc tiến đầu tư phối hợp với các ngành chức năng của tỉnh rà soát, xây dựng danh mục dự án đầu tư trên địa bàn để thu hút đầu tư, tạo sự đột phá về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Triển khai thực hiện có hiệu quả các công trình trọng điểm, các công trình hạ tầng khu trung tâm hành chính huyện; khai thác quỹ đất để đầu tư cơ sở hạ tầng phía Đông sông Pô Cô.

- Xây dựng và triển khai có hiệu quả kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đã được cấp phép, phê duyệt và thực hiện quyết toán các công trình đầu tư theo quy định.

- Tập trung phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ. Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển lâm nghiệp, cây cà phê xứ lạnh, sâm Ngọc Linh, Đảng Sâm (sâm dây), các loại cây dược liệu khác và hình thành các vùng chuyên canh cây dược liệu.

- Đẩy mạnh phát triển thương mại, dịch vụ; thu hút đầu tư, xã hội hóa phát triển hệ thống chợ, trung tâm thương mại ở các xã thuận lợi; hình thành các hệ thống cửa hàng, chợ phiên ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới.

1.2. Thu ngân sách Nhà nước

a. Mục tiêu, nhiệm vụ

- Phân đấu đạt tổng thu ngân sách giai đoạn 2020-2025 trên 180.000 tr.đồng. Tăng 131,5% so với giai đoạn 2015-2020. Dự kiến đến năm 2025 thu ngân sách trên địa bàn huyện đạt trên 52.000 tr đồng.

b. Giải pháp, biện pháp triển khai thực hiện:

- Đẩy mạnh tuyên truyền các chính sách thuế mới bằng nhiều hình thức phù hợp và hiệu quả, giúp người nộp thuế nhanh chóng tiếp cận thông tin về chính sách thuế mới ban hành, góp phần ổn định sản xuất và thực hiện tốt nghĩa vụ thuế với NSNN: Tích cực phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo, đài để đưa tin tuyên truyền chính sách thuế mới; tăng cường công tác hỗ trợ người nộp thuế, giúp người nộp thuế thực hiện đúng và kịp thời các thủ tục hành chính nhằm đảm bảo thủ tục hành chính thuế được tiếp nhận và giải quyết theo đúng quy định góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh.

- Tăng cường các biện pháp Quản lý Thuế, bao quát nguồn thu, khai thác mọi nguồn thu và chống thất thu, nợ đọng thuế trên địa bàn; Kịp thời đôn đốc thu nợ đối với các nguồn thu do Cục Thuế, Chi cục Thuế quản lý. Nâng cao vai

trò, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan thuế; thường xuyên rà soát các nguồn thu, đặc biệt là các nguồn thu không ổn định, làm rõ những khoản thu, sắc thuế còn thất thu, các nguồn thu còn tiềm năng. Đẩy mạnh các biện pháp quản lý nguồn thu liên quan đến đất đai, kinh doanh bất động sản, dịch vụ vận tải.

- Thực hiện tốt công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch, gắn với chỉnh trang đô thị. Tăng cường xúc tiến đầu tư phối hợp với các ngành chức năng của tỉnh, rà soát, xây dựng danh mục dự án đầu tư trên địa bàn để thu hút đầu tư. Tập trung phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ, trong đó lựa chọn một số sản phẩm chủ lực để đầu tư, hình thành các sản phẩm đặc trưng của huyện.

- Xây dựng và triển khai có hiệu quả kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong thực hiện nghĩa vụ thuế, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh phát triển.

- Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ, nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao. Luôn tích cực phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong quá trình quản lý và sử dụng Ngân sách nhà nước.

1.3 Thu nhập bình quân đầu người

a. Mục tiêu, nhiệm vụ

- Khuyết khích việc hình thành, phát triển các tổ hợp tác, hợp tác xã, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn; quan tâm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường, đẩy mạnh hợp tác, liên doanh, liên kết. Đẩy mạnh phát triển sản xuất ngành Công nghiệp, xây dựng và thương mại, dịch vụ phát triển. Bên cạnh đó, tập trung phát triển cây công nghiệp dài ngày, cây dược liệu, chăn nuôi đại gia súc với qui mô lớn như gia trại và trang trại, chăn nuôi tập trung có chuồng trại. Phấn đấu đến năm 2025, thu nhập bình quân đầu người đạt trên 48 triệu đồng.

b. Giải pháp, biện pháp triển khai thực hiện:

- Đa dạng hóa các mô hình sản xuất, quy hoạch diện tích đất sản xuất phù hợp với từng vùng, phù hợp với khí hậu thổ nhưỡng từng xã và ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất. Tập trung phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ, trong đó lựa chọn một số sản phẩm chủ lực để đầu tư, hình thành các sản phẩm đặc trưng của huyện.

- Làm tốt công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, nhất là công tác cho vay vốn ưu đãi cho các hộ dân phát triển sản xuất, kinh doanh, trồng trọt, chăn nuôi để ổn định cuộc sống vươn lên làm giàu.

- Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách, dự án, chương trình

hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, lồng ghép Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Nâng cao dân trí, chăm lo đời sống văn hóa, tinh thần cho Nhân dân.

1.4. Phát triển nông thôn

a. Mục tiêu, nhiệm vụ

- Duy trì, nâng cao chất lượng hộ gia đình sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100% và xác định đối với các xã có tiềm lực, khả năng đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí Quốc gia xã nông thôn mới. Phấn đấu thêm 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới, nâng tổng số trên địa bàn huyện có 6 xã đạt chuẩn nông thôn mới và 09 xã đạt trên 15 tiêu chí.

b. Giải pháp, biện pháp triển khai thực hiện:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về ý nghĩa, mục đích việc xây dựng nông thôn mới, xác định vai trò chủ thể của Người dân là chính, Nhà nước mang tính chất hỗ trợ, thúc đẩy bộ mặt nông thôn phát triển, nâng cao đời sống, an ninh chính trị đảm bảo từng bước thực hiện có hiệu quả. Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình số 09-CTr/HU ngày 09/11/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ thực hiện Nghị Quyết của Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX.

- Rà soát, đánh giá mức độ đạt được cụ thể các tiêu chí của từng xã, xây dựng kế hoạch, xác định nhiệm vụ, giải pháp cho phù hợp.

- Thực hiện đa dạng hóa huy động nguồn lực, nhất là nguồn lực của Nhân dân, doanh nghiệp để thực hiện đầu tư xây dựng nông thôn mới. Trong đó đẩy mạnh các giải pháp huy động và đa dạng hóa các nguồn vốn để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025. Huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế-xã hội nông thôn; trong đó thực hiện tốt phương châm "Nhà nước và Nhân dân cùng làm" đối với việc xây dựng các công trình giao thông nông thôn.

- Đẩy mạnh thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả, phát triển dịch vụ và ngành nghề nông thôn, nâng cao thu nhập cho Người dân nông thôn. Thành lập, củng cố, đổi mới hoạt động các hợp tác xã, tổ hợp tác. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và tích cực tham gia xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, phát triển đa dạng nhiều ngành nghề phù hợp với thị trường, nhu cầu của các doanh nghiệp trong và ngoài huyện, hướng đến xuất khẩu lao động. Gắn xây dựng nông thôn mới với công tác giảm nghèo và phát triển văn hoá ở khu vực nông thôn.

- Đẩy mạnh phát triển giáo dục, y tế, văn hóa, đảm bảo an sinh xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, phục vụ tốt nhu cầu của Nhân dân. Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ dạy và học; chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, đảm bảo đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng. Đẩy mạnh tuyên truyền và xây dựng nếp sống văn hóa ở nông thôn. Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá vật thể và phi

vật thể. Rà soát, đầu tư hoàn thiện và nâng cao hiệu quả sử dụng các thiết chế văn hóa cơ sở nhằm phục vụ và đáp ứng tốt nhu cầu của Nhân dân.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước, Đoàn thể chính trị xã hội ở cơ sở; giữ vững chính trị và trật tự an toàn xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh. Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, quản lý, điều hành của UBND các cấp, phát huy vai trò của các đoàn thể chính trị-xã hội trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

- Hàng năm chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức cho cán bộ và người dân đi học tập kinh nghiệm xây dựng nông thôn mới tại các địa phương khác để nghiên cứu bổ sung, vận dụng những cách làm hay, hiệu quả của các địa phương, nhất là những địa phương có điều kiện tương đồng với địa phương mình để dễ vận dụng thực hiện theo.

1.5 Nông nghiệp

a. Trồng trọt

a1. Mục tiêu, nhiệm vụ

- Phân đầu đến năm 2025: Diện tích cây trồng hằng năm chủ yếu đạt 6.980 ha; diện tích cây trồng lâu năm đạt 3.592 ha.

a2. Giải pháp, biện pháp triển khai thực hiện:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động thực hiện chủ trương cơ cấu lại ngành nông nghiệp phát triển nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung có quy mô hợp tác liên kết theo chuỗi giá trị, gắn với phát triển bền vững. Tổ chức thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác phổ biến, tuyên truyền đáp ứng yêu cầu đặt ra trong tình hình mới.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước đối với công tác quản lý, phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ. Rà soát, quy hoạch các loại cây trồng có giá trị kinh tế, có tiềm năng, lợi thế của địa phương phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu, sinh thái trên địa bàn tạo vùng sản xuất chuyên canh thuận lợi cho phát triển nông nghiệp. Phát triển ngành trồng trọt theo hướng sản xuất có quy mô, tập trung gắn với bảo quản, chế biến và tiêu thụ theo chuỗi giá trị. Đẩy mạnh thực hiện đầu tư thâm canh, áp dụng các loại cây giống, quy trình sản xuất, trong đó đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ nhằm tăng năng suất, chất lượng, giảm giá thành và thích ứng với biến đổi khí hậu. Hàng năm xây dựng kế hoạch, lộ trình xác định mục tiêu, giải pháp cụ thể nhằm duy trì diện tích các loại cây trồng hiện đã đạt được, chuyển đổi một số diện tích cây trồng có hiệu quả kinh tế thấp sang trồng cây trồng khác.

- Thực hiện đa dạng hóa huy động nguồn lực, nhất là nguồn lực của doanh nghiệp, Nhân dân để thực hiện đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp. Tập trung lồng ghép các nguồn vốn, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực trong dân, doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp đóng chân trên địa bàn để phát triển sản xuất nông nghiệp.

- Phát triển thị trường, xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại và phát triển thương hiệu. Khuyến khích xây dựng các chuỗi liên kết từ khâu trồng, thu hoạch, chế biến và phân phối sản phẩm nông nghiệp của địa phương theo hướng liên kết 5 nhà (*nhà nông, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học, nhà quản lý và nhà đầu tư*) gắn với hình thành, phát triển các Hợp tác xã. Đẩy nhanh ứng dụng và chuyển giao khoa học kỹ thuật trong phát triển nông nghiệp.

- Nghiên cứu, xây dựng Đề án lựa chọn các loại cây trồng phù hợp với địa phương và thị trường tiêu thụ.

- Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát việc sản xuất kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp, kịp thời có biện pháp xử lý những cây giống, vật tư nông nghiệp không rõ nguồn gốc.

b. Trồng cây dược liệu

b1. Mục tiêu, nhiệm vụ

- Tập trung xây dựng, mở rộng, phát triển vùng sản xuất các loại cây dược liệu chủ lực, tập trung tại các xã phía Bắc. Phấn đấu đến năm 2025, diện tích cây dược liệu đạt trên 615 ha, trong đó có trên 585 ha cây Đảng Sâm, trên 15 ha Sâm Ngọc linh và trên 15 ha dược liệu khác.

b2. Giải pháp, biện pháp triển khai thực hiện:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức và Nhân dân về dược liệu. Tăng cường thông tin, tuyên truyền về việc sử dụng dược liệu, thuốc, các sản phẩm từ dược liệu, y dược cổ truyền trong chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh, chữa bệnh. Định hướng công tác tuyên truyền trong thời gian tới thông qua truyền thông qua các hệ thống thông tin đại chúng, mạng điện tử, tại các hội nghị, hội chợ kết nối giao thương, kết nối cung cầu để nâng cao nhận thức của đội ngũ quản lý cũng như các doanh nghiệp, đơn vị sản xuất, kinh doanh sản phẩm nông nghiệp, nhất là dược liệu trên địa bàn huyện đến người tiêu dùng, các đối tác trong và ngoài nước để các ngành, các cấp, các tổ chức đoàn thể cùng tham gia triển khai thực hiện.

- Thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước trong quy hoạch, bảo tồn, phát triển và chế biến dược liệu: Hằng năm, rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng cây dược liệu đảm bảo đúng định hướng bảo tồn, phát triển các loại cây dược liệu có giá trị kinh tế, tiềm năng, lợi thế của địa phương phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu, sinh thái trên địa bàn. Quy hoạch diện tích rừng nghèo kiệt, các tiểu khu do cộng đồng khu dân cư, hộ gia đình quản lý và đất lâm nghiệp, diện tích đất nông nghiệp phù hợp để đầu tư phát triển vùng trồng dược liệu tập trung, quy mô lớn gắn với công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng. Đẩy mạnh việc giao rừng, cho thuê rừng gắn với giao đất cho thuê đất và chuyển đổi diện tích đất nông nghiệp phù hợp sang trồng cây dược liệu để phát triển thành vùng dược liệu tập trung.

- Thực hiện đa dạng hóa huy động nguồn lực, nhất là nguồn lực của doanh nghiệp, Nhân dân để thực hiện đầu tư phát triển về dược liệu: Ưu tiên các nguồn

kinh phí của Trung ương, nguồn kinh phí hợp pháp khác để đầu tư bảo tồn và phát triển các loại cây có giá trị kinh tế, nhất là dược liệu có tiềm năng, lợi thế của địa phương có tập trung, trọng điểm.

- Đầu tư phát triển mạnh các cơ sở bảo tồn và sản xuất giống dược liệu, nhất là khu vườn ươm đã hình thành nhằm phục vụ cho công tác bảo tồn, nghiên cứu và cung cấp giống dược liệu đảm bảo nguồn gốc, chất lượng đáp ứng nhu cầu sản xuất; quản lý chặt các nguồn giống gốc, giống dược liệu địa phương có giá trị.

c. Chăn nuôi

c1. Mục tiêu, nhiệm vụ

- Tiếp tục định hướng, phát triển ngành chăn nuôi theo phương thức bán công nghiệp, an toàn dịch bệnh, phù hợp với lợi thế của từng địa phương. Đến năm 2025 đàn gia súc đạt 35.475 con, trong đó: đàn trâu đạt 4.475 con, đàn bò đạt 13.500 con, đàn heo đạt 17.500 con.

c2. Giải pháp, biện pháp triển khai thực hiện:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động thực hiện chủ trương cơ cấu lại ngành nông nghiệp phát triển nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung có quy mô hợp tác liên kết theo chuỗi giá trị, gắn với thị trường đồng thời đáp ứng yêu cầu trong chỉ đạo thực hiện tái cơ cấu lại ngành chăn nuôi, giống vật nuôi theo hướng nâng cao năng suất và giá trị gắn với nhu cầu tiêu thụ thị trường để phát triển chăn nuôi có tính ổn định. Yêu cầu của công tác phòng chống dịch bệnh động vật, đảm bảo chăn nuôi phát triển bền vững.

- Thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước trong quy hoạch, phát triển ngành chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa với chế biến và thị trường tiêu thụ: Rà soát, quy hoạch lại ngành chăn nuôi, khu giết mổ tập trung; bổ sung vùng chăn nuôi, đối tượng vật nuôi chủ lực hợp lý, ưu tiên vật nuôi thị trường, có tiềm năng, lợi thế của địa phương, đặc biệt là khả năng chống chịu dịch bệnh. Tiếp tục rà soát, lựa chọn địa điểm để giới thiệu, kêu gọi, thu hút, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, xây dựng cơ sở giết mổ gia súc đảm bảo điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm gắn với tạo thương hiệu cho sản phẩm có sức cạnh tranh trên thị trường. Thực hiện tốt công tác quản lý quy hoạch chăn nuôi, quy hoạch cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường, hình thành các vùng chăn nuôi tập trung. Định hướng tổ chức sản xuất chăn nuôi theo hướng chuỗi giá trị, khuyến khích hình thành các liên kết chăn nuôi như liên kết thông qua hình thức tổ hợp tác, hợp tác xã.. liên kết với doanh nghiệp có tiềm lực hoạt động trong phát triển chăn nuôi..

- Triển khai có hiệu quả các nguồn phân bổ, thực hiện đa dạng hóa các nguồn lực, hướng tới các nguồn lực của Nhân dân, doanh nghiệp có tiềm lực trên địa bàn để thực hiện việc đầu tư xây dựng các cơ sở, trang trại chăn nuôi hướng tới đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn sinh học: Ưu tiên các nguồn kinh phí của Trung ương, nguồn kinh phí hợp pháp khác để đầu tư, hỗ trợ các mô hình trang trại, gia trại vừa và nhỏ trên địa bàn có tập trung, trọng điểm; Huy động nguồn vốn xã hội hóa từ nguồn tự có, nguồn đối ứng, liên kết của các

tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có tiềm lực và nguồn khác theo quy định của Pháp luật; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia, đặc biệt là các doanh nghiệp, đồng thời tạo môi trường thuận lợi, thông thoáng để khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp hợp tác, liên kết chặt chẽ trong chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ giữa nông dân, tổ hợp tác, hợp tác xã với doanh nghiệp.

- Phát triển thị trường, xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại và phát triển thương hiệu: Khuyến khích xây dựng các chuỗi liên kết từ con giống, chăn nuôi, giết mổ, chế biến, thành phẩm (*tươi, sơ chế, chế biến thành các sản phẩm khác như: sấy khô, hun khói, dăm bông,...*) và phân phối sản phẩm nông nghiệp của địa phương theo hướng liên kết 5 nhà (*nhà nông, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học, nhà quản lý và nhà đầu tư*) gắn với hình thành, phát triển các Hợp tác xã, Tổ hợp tác, nhóm hộ để liên kết sản xuất, tiêu thụ gia súc theo chuỗi giá trị.

1.6. Lâm nghiệp

a. Mục tiêu, nhiệm vụ

- Phân đấu đến năm 2025, diện tích trồng rừng đạt trên 300 ha; độ che phủ của rừng 72,7% trở lên.

- Quản lý bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, hạn chế đến mức thấp nhất tình hình vi phạm về Luật lâm nghiệp trên địa bàn huyện,

- Đẩy mạnh công tác phát triển trồng rừng mới và khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh phục hồi rừng để tăng diện tích và chất lượng rừng, nâng độ che phủ rừng.

b. Giải pháp, biện pháp triển khai thực hiện:

- Tăng cường công tác quản lý đối với các quy hoạch, kế hoạch bảo vệ, phát triển rừng, phát triển lâm nghiệp trên địa bàn. Tiếp tục rà soát, giải quyết kịp thời, dứt điểm diện tích đất chồng lấn, lấn chiếm nằm trong lâm phần của các vị chủ rừng để bố trí, sử dụng theo quy định của pháp luật. Tập trung giải quyết đất sản xuất cho người dân để hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng phá rừng làm nương rẫy.

- Thực hiện có hiệu quả các dự án, chương trình trồng rừng; tạo điều kiện thuận lợi để khuyến khích sự tham gia của các thành phần kinh tế trong công tác phát triển rừng. Đồng thời nghiên cứu xây dựng các mô hình nông-lâm kết hợp theo phương thức sản xuất trồng cây lâm nghiệp có giá trị kinh tế cao với các hoạt động sản xuất nông nghiệp.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia bảo vệ rừng, tích cực đấu tranh, tố giác đối với các hành vi vi phạm Luật lâm nghiệp; thường xuyên tuần tra, kiểm tra, truy quét ngăn chặn kịp thời các vi phạm. Điều tra và xử lý nghiêm các vi phạm Luật Lâm nghiệp xảy ra trên địa bàn. Kịp thời động viên, khen thưởng cho các tổ chức và cá nhân có thành tích trong công tác Quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng, quản lý lâm sản.

1.7. Môi trường

a. Mục tiêu, nhiệm vụ

Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, đội ngũ cán bộ công chức, viên chức; phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội, huy động sự tham gia của toàn xã hội trong việc triển khai nhiệm vụ, giải pháp trong công tác bảo vệ môi trường. Phân đấu đến năm 2025 tỉ lệ thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải rắn đạt từ 75% trở lên; 100% cơ sở kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường.

b. Giải pháp, biện pháp triển khai thực hiện:

- Thường xuyên tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về công tác bảo vệ môi trường. Nâng cao nhận thức và hành động của nhân dân, ý thức tự giác thực hiện phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn, hạn chế sử dụng túi nilon và các sản phẩm nhựa dùng một lần, đồ rác thải sinh hoạt đúng giờ, bỏ rác đúng nơi quy định. Các cơ sở kinh doanh thực hiện nghiêm túc về tiêu chuẩn môi trường.

- Huy động các nguồn lực, kêu gọi đầu tư nâng cấp hoặc xây mới cơ sở xử lý rác thải trên địa bàn huyện đảm bảo hiệu quả, đúng theo quy định pháp luật. Triển khai xây dựng đồng bộ hệ thống quản lý, thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện nhằm kiểm soát ô nhiễm, bảo vệ môi trường, cảnh quan sinh thái, sức khỏe người dân, góp phần thực hiện tốt mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

- Chỉ đạo các xã, thị trấn phân đấu đạt và duy trì tiêu chí số 17 và tiêu chí số 14 đối với các xã đặc biệt khó khăn khu vực biên giới, vùng núi theo chương trình mục tiêu quốc gia về nông thôn mới.

- Tổ chức xây dựng kế hoạch thường xuyên kiểm tra việc xử lý rác thải, việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường đối với UBND các xã, thị trấn; các cá nhân, tổ chức sản xuất kinh doanh theo quy định.

1.8. Điện

a. Mục tiêu, nhiệm vụ

Khai thác hiệu quả tiềm năng các nguồn năng lượng trên địa bàn huyện; trong đó ưu tiên phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, năng lượng mới bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống của nhân dân, góp phần bảo vệ môi trường sinh thái. Duy trì tỷ lệ 100% hộ gia đình sử dụng điện và nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp điện trên địa bàn huyện theo quy định.

b. Giải pháp, biện pháp triển khai thực hiện:

- Thực hiện tốt cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển Năng lượng tái tạo⁴⁵, khuyến khích nhà đầu tư đến khảo sát, nghiên cứu các dự án năng lượng thân thiện với môi trường, hướng tới phát triển nền kinh tế xanh. Tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính, giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh để bảo đảm tiến độ các công trình điện tại địa phương.

⁴⁵ Thủy điện, điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối.

- Xây dựng Kế hoạch cấp điện trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025 từ các nguồn vốn của Chính phủ (*dự án 2081, dự án điện nông thôn...*); vốn của địa phương (*dự án khu tái định cư ...*); vốn của ngành điện (*dự án kfw, đầu tư xây dựng, sửa chữa lớn hàng năm ...*) đạt hiệu quả; nhằm đảm bảo tiêu chí số 4 về điện thuộc chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Thường xuyên rà soát, thống kê các hộ gia đình tách hộ, lập hộ gia đình mới để lắp đặt công tơ cấp điện kịp thời theo quy định.

2. Lĩnh vực văn hóa – xã hội

2.1. Giáo dục - đào tạo

a. Mục tiêu, nhiệm vụ

- Phân đầu đến năm 2025 tỷ lệ học sinh được phân luồng sau THCS đạt ít nhất 30%; Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt thêm 03 trường; phổ cập THCS độ tuổi 15-18 phân đầu đạt tỷ lệ trên 85%; xóa mù chữ độ tuổi từ 15 đến 60 tuổi phân đầu đạt tỷ lệ trên 96%.

b. Giải pháp, biện pháp triển khai thực hiện:

- Ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở vật chất (phòng học, phòng làm việc, xây dựng thư viện đạt chuẩn, mua sắm bổ sung thêm trang thiết bị dạy học...) cho các đơn vị trường học, đặc biệt 03 trường nằm trong lộ trình xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia đến năm 2025 và các trường duy trì trường đã đạt chuẩn quốc gia.

- Duy trì kết quả phổ cập đã đạt được. Triển khai sâu rộng Quyết định số Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14-5-2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018-2025”. Làm tốt công tác tuyên truyền để định hướng cho học sinh sau tốt nghiệp THCS được phân luồng ít nhất đạt 30%.

- Cấp học Mầm non: Đảm bảo theo Thông tư 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Thông tư liên tịch số 06/2015/TTLT-BGDĐT, BNV ngày 16 tháng 3 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ; Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Cấp học Tiểu học: Đảm bảo theo Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường Tiểu học; Thông tư số 17/2018/TT- BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học.

- Cấp THCS: Đảm bảo theo Thông tư 18/2018/TT- BGDĐT ngày 22/8/2018; Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/09/2020 về Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đối với giáo viên đạt chuẩn: Bố trí, sắp xếp giáo viên ở các cơ sở giáo dục hợp lý, bảo đảm thuận lợi cho giáo viên vừa làm, vừa học, thực hiện chế độ,

chính sách cho giáo viên và thực hiện công tác truyền thông tạo sự đồng thuận trong đội ngũ. Triển khai thực hiện theo điều 72, Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Quốc hội quy định trình độ chuẩn đào tạo của nhà giáo.

- Đối với công tác phân luồng, phổ cập: Tiếp tục tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức về ý nghĩa, vai trò và tầm quan trọng của công tác PCGD, XMC cho các tầng lớp nhân dân và toàn xã hội. Huy động, duy trì, nâng cao số lượng học sinh đi học chuyên cần ở các xã, đặc biệt là các xã vùng sâu, vùng xa, hạn chế tối đa tình trạng học sinh bỏ học, nghỉ học, tiếp tục đổi mới công tác quản lý, đổi mới phương pháp dạy học, thu hút học sinh đến trường, phát huy tính tích cực trong học tập của học sinh nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trên địa bàn.

- Tiếp tục làm tốt công tác phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS, THPT nhằm đảm bảo đến năm 2025 phần đầu đạt 40%; đối với vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn là 30%, học sinh sau tốt nghiệp THCS tiếp tục đi học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp.

2.2. Dân số, y tế.

a. Mục tiêu, nhiệm vụ

Đến năm 2025: Quy mô dân số đạt 53.210 người; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,43%; tỷ lệ xã có bác sĩ 100%; tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã 100%.

b. Giải pháp, biện pháp triển khai thực hiện:

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu sắc các Nghị quyết, chủ trương của Đảng, Nhà nước nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành đối với công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân; xác định công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên, lâu dài của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

- Phát huy mạnh mẽ vai trò của các đoàn thể chính trị - xã hội và cả cộng đồng trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; tăng cường phối hợp liên ngành, phát huy mạnh mẽ vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội và của cả cộng đồng.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe, đa dạng hoá các loại hình truyền thông phù hợp với từng đối tượng, từng dân tộc, từng vùng nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi trong chăm sóc sức khỏe; tuyên truyền, vận động xây dựng nếp sống văn minh, lối sống lành mạnh, vệ sinh, xoá bỏ các tập tục lạc hậu ảnh hưởng xấu đến sức khỏe.

- Duy trì nâng cao chất lượng khám chữa bệnh từ Trung tâm Y tế đến 12 Trạm Y tế xã. Tập trung đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị y tế, phát triển các dịch vụ kỹ thuật khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

- Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân số. Đưa công tác dân số, nhất là nâng cao chất lượng dân số thành một nội dung trọng tâm trong công tác lãnh

đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành. Thực hiện lồng ghép có hiệu quả các yếu tố dân số⁴⁶ trong quy hoạch, kế hoạch phát triển của huyện, của từng địa phương, đơn vị. Rà soát, bổ sung các mục tiêu, chỉ tiêu về dân số⁴⁷ vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của các cấp, các ngành.

- Tăng cường phối hợp liên ngành, phát huy mạnh mẽ vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội và của cả cộng đồng trong công tác dân số.

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt sâu sắc Nghị quyết số 21 NQ/TW và các chủ trương Đảng, chính sách của Nhà nước về công tác dân số đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân trên địa bàn nhằm nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị trong công tác dân số.

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, chuyển đổi hành vi bằng nhiều hình thức đa dạng, phong phú nhằm giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh. Đổi mới phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản trong và ngoài nhà trường. Hình thành kiến thức và kỹ năng về dân số, sức khỏe sinh sản đúng đắn, có hệ thống ở lứa tuổi vị thành niên, thanh niên. Tuyên truyền đầy đủ Luật hôn nhân và gia đình. Những hệ lụy của kết hôn khi chưa đủ tuổi (tảo hôn) và kết hôn cận huyết thống (cùng dòng máu).

- Thực hiện đảm bảo các quy định của pháp luật về dân số. Nâng cao hiệu lực pháp lý trong quản lý và tổ chức thực hiện, bảo đảm đầy đủ quyền, nghĩa vụ của người dân đối với công tác dân số. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chuyên ngành DS-KHHGD; xử lý nghiêm các vi phạm về chính sách DS-KHHGD.

- Quan tâm bố trí ngân sách nhà nước cho công tác dân số, công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe giáo dục, đào tạo, văn hóa, thể thao... nhằm nâng cao chất lượng dân số, đời sống mọi mặt của nhân dân, nhất là đối tượng chính sách, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân số theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương. Có chế độ thù lao thỏa đáng đối với đội ngũ cộng tác viên dân số nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động truyền thông về dân số, sức khỏe sinh sản ở thôn, làng.

2.3. Đào tạo nghề nông thôn

a. Mục tiêu, nhiệm vụ

- Phân đầu đến năm 2025 công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện đạt 10,4%.

b. Giải pháp, biện pháp triển khai thực hiện:

⁴⁶ Quy mô dân số, cơ cấu dân số, phân bố dân cư

⁴⁷ Tỷ lệ sinh, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên, tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên, tỷ lệ áp dụng các biện pháp tránh thai, tốc độ tăng tỷ số giới tính khi sinh.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền góp phần nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân về ý nghĩa, mục đích việc đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Hàng năm chủ động rà soát thống kê lao động nông thôn có nhu cầu học nghề, xây dựng kế hoạch đào tạo nghề đảm bảo sát với nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội của địa phương.

- Tăng cường công tác liên kết với các Doanh nghiệp và các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Giáo dục thường xuyên đủ điều kiện giảng dạy để công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn đảm bảo chất lượng, hiệu quả sau đào tạo.

- Thường xuyên tổ chức tuyên truyền, tư vấn định hướng nghề phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương cho người lao động nông thôn để thu hút người lao động chủ động tham gia học nghề, chuyển đổi nghề nghiệp. Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo theo hướng hiện đại hóa, linh hoạt nhằm nâng cao kỹ năng, năng lực thực hành, năng lực tự tạo việc làm, thích ứng với yêu cầu chuyển đổi của công nghệ và sản xuất, tổ chức đào tạo nghề tạo thuận lợi cho người học.

2.4. Giảm nghèo bền vững

a. Mục tiêu, nhiệm vụ

- Phân đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo toàn huyện bình quân trên 6%/năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2021-2025. Thực hiện đạt mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo hàng năm; đến cuối năm 2025 toàn huyện còn dưới 11,75% hộ nghèo.

b. Giải pháp, biện pháp triển khai thực hiện:

- Đa dạng, đẩy mạnh về hình thức, nội dung tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, bản tin điện tử về chủ trương, chính sách giảm nghèo, các loại hình truyền thông phù hợp; những mô hình hay, cách làm hiệu quả, giới thiệu những gương sáng thoát nghèo tiêu biểu trong cộng đồng, tập trung tuyên truyền nâng cao nhận thức, khơi dậy trách nhiệm bản thân để chủ động vươn lên thoát nghèo; tiếp tục phong trào thi đua “*Cả nước chung tay vì người nghèo, không để ai bị bỏ lại phía sau*” rộng khắp trên địa bàn huyện.

- Tiếp tục thực đồng bộ, có hiệu quả các cơ chế, chính sách về giảm nghèo, nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách, dự án, chương trình hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, lồng ghép Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; xây dựng các dự án, mô hình hỗ trợ thoát nghèo theo

hướng nâng cao trách nhiệm, hỗ trợ có điều kiện, có thời hạn, giảm dần chính sách cho không, mở rộng chính sách hỗ trợ hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Thường xuyên chỉ đạo triển khai tổ chức thành lập Đoàn kiểm tra, giám sát các cấp, tổ chức đối thoại chính sách giảm nghèo, tạo điều kiện cho người dân, người nghèo, cận nghèo trao đổi trực tiếp với các cấp chính quyền, nêu lên chính kiến, những nguyện vọng, khó khăn của hộ gia đình và tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện. Có giải pháp quyết liệt đối với hộ nghèo chây lười, ỷ lại vào chính sách hỗ trợ của nhà nước.

2.5 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

a. Mục tiêu, nhiệm vụ

- Giai đoạn 2020-2025 phấn đấu đạt khoảng 18,69% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH. Tỷ lệ bao phủ BHYT đạt 98% dân số.

b. Giải pháp, biện pháp triển khai thực hiện:

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chính sách BHXH, BHYT. Tiếp tục nghiên cứu, quán triệt nội dung Chương trình số 85-Ctr/HU ngày 17/12/2018 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa XVIII thực hiện Nghị Quyết số 28-NQ/TW của BCH Trung ương khóa XII “về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội” đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân; Chương trình số 66-Ctr/HU ngày 12/3/2018 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện khóa XVIII thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 25-10-2017 của Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới”.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về việc thực hiện chính sách BHXH, BHYT; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các vi phạm, nhất là các hành vi trốn đóng, nợ đọng, gian lận, trục lợi chính sách BHXH, BHYT; giảm thiểu tình trạng nợ BHXH, BHYT để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động.

- Tiếp tục thực hiện sắp xếp bộ máy tổ chức thực hiện chính sách BHXH theo Chương trình số 51-Ctr/TU ngày 27/11/2017 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Kon Tum (Khóa XV) và Kế hoạch số 1049/KH-BHXH ngày 29/3/2018 của BHXH Việt Nam về thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) “một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả”. Tiếp tục chỉ đạo, đổi mới phương thức hoạt động của hệ thống BHXH, chuyển đổi tác phong phục vụ theo hướng phục vụ thân thiện, công khai minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp. Chỉ đạo cải cách thủ tục hành chính, thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể Chính trị - xã hội về tổ chức thực hiện chính sách BHXH, BHYT. Chỉ đạo các cấp công đoàn tăng cường tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về BHXH, BHYT vận động người lao động tham gia BHXH, BHYT; giám sát việc thực hiện pháp luật tại các đơn vị, doanh nghiệp và kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về BHXH, BHYT.

2.6 Văn hóa – thể thao – Thông tin và Truyền thông

a. Mục tiêu, nhiệm vụ

Phấn đấu đến năm 2025, 100% xã có thiết chế văn hóa – thể thao; 93 thôn làng có nhà rồng hoặc hội trường thôn; 81% xã có nhà văn hóa; 93% thôn làng đạt danh hiệu thôn văn hóa; 70% hộ gia đình đạt danh hiệu gia đình văn hóa.

b. Giải pháp, biện pháp triển khai thực hiện:

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền để người dân hiểu được giá trị bản sắc văn hóa của từng dân tộc, nâng cao ý thức bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc mình.

- Tăng cường quản lý, bảo tồn, phục hồi và phát huy các giá trị bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số như: Cồng chiêng, múa Xoang, lễ hội truyền thống gắn kết với các hoạt động văn hóa cộng đồng; các di tích lịch sử cách mạng gắn với phát huy các tuyến, điểm du lịch; thực hiện bảo tồn và phát triển nghề truyền thống của các dân tộc thiểu số tại chỗ trên địa bàn huyện.

- Rà soát lại quy hoạch về thiết chế văn hóa – thể thao nói chung và quy hoạch quỹ đất dành cho xây dựng công trình văn hóa – thể thao nói riêng phù hợp với quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội của xã, thị trấn. Có phương án sắp xếp, sử dụng nhà văn hóa, hội trường xã phù hợp với tình hình thực tế; xây mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà văn hóa thôn bị hư hỏng xuống cấp cũng như phương án phù hợp đối với những công trình văn hóa dôi dư do sáp nhập thôn. Đồng thời, quan tâm đăng ký danh mục công trình và đề xuất bố trí nguồn vốn và huy động sự đóng góp của nhân dân để xây dựng nhà rồng văn hóa hoặc hội trường thôn và khu văn hóa – thể thao xã.

- Đảm bảo cân đối kinh phí để đầu tư, khôi phục, bảo tồn và phát triển văn hóa cồng chiêng và các lễ hội truyền thống của đồng bào các dân tộc thiểu số. Phối hợp với Sở Văn hóa – Thể thao và Du lịch đầu tư, tôn tạo các di tích lịch sử Làng kháng chiến Xốp Dùi; di tích lịch sử chiến thắng Đăk Pék gắn với phát triển du lịch, phát huy giá trị các di tích. Định kỳ hằng năm xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao và khôi phục các lễ hội truyền thống của cộng đồng các dân tộc thiểu số Gié triêng, Xơ Đăng.

- Vận động các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt hương ước, quy ước theo Quyết định 22/2018/QĐ-TTg ngày 08/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, thực hiện hương ước, quy ước. Tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao chất lượng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” và Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng Nông thôn mới, đô thị văn minh” gắn với thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội.

- Tập trung phát triển thể thao quần chúng rộng khắp bằng nhiều hình thức, lồng ghép phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại” gắn với các hoạt động thể dục, thể thao nhân dân tự nguyện luyện tập.

3. **Đẩy mạnh thực hiện 03 lĩnh vực đột phá**

a) Về phát triển nông nghiệp đi vào chiều sâu theo hướng sản xuất hàng hóa, bảo tồn phát triển Sâm Ngọc Linh, Đảng sâm và các dược liệu khác gắn với xây dựng liên kết chuỗi giá trị và phát triển thương hiệu:

- *Tình hình phát triển dược liệu:* Thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 02-3/2018 của BTV Tỉnh ủy về đầu tư, phát triển và chế biến dược liệu trên địa bàn tỉnh Kon Tum. Huyện cũng xác định được vùng phát triển dược liệu⁴⁸ có điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng phù hợp với các loại cây dược liệu, đặc biệt là sâm Ngọc Linh, Đảng sâm⁴⁹. Huyện tiếp tục mở cơ chế khuyến khích, thu hút các Doanh nghiệp, Công ty...có năng lực, công nghệ tham gia trồng, chế biến, tiêu thụ sản phẩm đưa thương hiệu dược liệu, đặc biệt là Sâm Ngọc Linh và các sản phẩm đa dạng, phong phú có khả năng cạnh tranh trên thị trường.

- *Ứng dụng công nghệ trong sản xuất, chế biến sản phẩm sau thu hoạch của các tổ hợp tác, doanh nghiệp, người dân...* đã có những phương pháp, cách làm tạo ra các sản phẩm chủ lực phong phú, đa dạng, cụ thể như nhóm thực phẩm (*Mứt sâm dây, lấu lá sâm*); nhóm đồ uống, thảo dược (*rượu sâm dây tươi, rượu sâm dây khô*)...nhằm góp phần đảm bảo ổn định đầu ra các sản phẩm nông nghiệp, nhất là sản phẩm từ dược liệu trên địa bàn huyện.

b) Về thực hiện chỉnh trang, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đô thị, cụm công nghiệp - dịch vụ trên địa bàn huyện:

- *Về quy hoạch*

+ Thực hiện quy hoạch phát triển khu vực đô thị theo đồ án quy hoạch chi tiết được duyệt⁵⁰.

+ Chỉ đạo UBND các xã thực hiện rà soát, điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới 11/11 xã trên địa bàn cho phù hợp tình hình phát triển kinh tế - xã hội từng xã và nguồn lực đầu tư; gắn với bố trí quỹ đất thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho cán bộ, công chức, viên chức.

+ Tổ chức công bố quy hoạch chi tiết, quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị, quản lý trật tự xây dựng, trật tự đô thị; chấn chỉnh tình trạng lấn chiếm vỉa hè, lòng đường trên địa bàn thị trấn và tại trung tâm các xã.

- *Về phát triển đô thị*

+ Triển khai đầu tư tổng thể các dự án hiệu quả nhằm phát triển khu vực đô thị.

⁴⁸ Trên địa bàn các xã: Mường Hoong, Ngọc Linh, Xốp.

⁴⁹ Cuối năm 2019, toàn huyện đã trồng sâm Ngọc Linh 4,39 ha sâm Ngọc Linh và 232,2 ha Đảng sâm (sâm dây), đã thành lập 02 hợp tác xã và 15 tổ hợp tác tham gia, hoạt động trong lĩnh vực dược liệu.

⁵⁰ Điều chỉnh cục bộ Đồ án quy hoạch chi tiết phía Đông sông Pô Kô, quy hoạch chi tiết phía Tây Bắc sông Pô Kô và Quy hoạch chi tiết phía Tây sông Pô Kô làm cơ sở thực hiện đầu tư xây dựng các công trình như san ủi mặt bằng khu trung tâm huyện, Đầu giá quỹ đất tạo vốn đầu tư cơ sở hạ tầng phía Đông sông Pô Kô với quy mô 6,9ha, cải tạo cảnh quan trước nhà đa năng huyện...

+ Tổ chức đầu tư nâng cấp, mở rộng các công trình cơ sở hạ tầng trên địa bàn huyện.

c) Về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; tăng cường xúc tiến đầu tư, hỗ trợ khởi nghiệp:

- Về cải cách thủ tục hành chính, hình thành Trung tâm hành chính công cấp huyện

Trên cơ sở các Quyết định của các bộ ngành, UBND tỉnh về công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện và cấp xã. UBND huyện chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn và UBND các xã, thị trấn tiến hành rà soát TTHC thuộc thẩm quyền của đơn vị, địa phương, để kịp thời phát hiện, kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ TTHC không phù hợp.

Tổ chức thực hiện nghiêm túc cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, đồng thời công khai minh bạch quy trình giải quyết thủ tục hành chính, thông tin liên quan đến đầu tư, đất đai, cơ chế chính sách, các dự án, quy hoạch, kế hoạch trên Trang thông tin điện tử của huyện. Đài truyền thanh - Truyền hình huyện để tổ chức, cá nhân có nhu cầu được tiếp cận thông tin dễ dàng.

- Về tăng cường xúc tiến đầu tư, hỗ trợ khởi nghiệp

Toàn thể cán bộ, công chức ý thức tầm quan trọng của khởi nghiệp trong phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Tổ chức các hoạt động tư vấn, hỗ trợ, khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn vay ưu đãi cho thanh niên.

UBND huyện chỉ đạo cơ quan chuyên môn, phối hợp UBND các xã, thị trấn đẩy mạnh công tác hỗ trợ khởi nghiệp thông qua chương trình OCOP hàng năm trên địa bàn huyện.

4. Về quốc phòng, an ninh và đối ngoại

Chủ động phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn, làm thất bại âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình”, “bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch, phản động. Phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; gắn với phát triển kinh tế-xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ huyện, xã vững chắc. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang đáp ứng yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; thực hiện tốt chính sách quân đội và hậu phương quân đội. Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng, an ninh. Xây dựng lực lượng vũ trang huyện đúng quy mô tổ chức, hoàn thành tốt nhiệm vụ trong mọi tình huống, tổ chức diễn tập tác chiến phòng thủ huyện; chỉ đạo diễn tập chiến đấu phòng thủ cấp xã đạt yêu cầu đề ra.

Chỉ đạo tăng cường công tác phòng ngừa, phát hiện, đấu tranh, xử lý các loại tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật; triển khai thực hiện có hiệu quả các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm, góp phần kiềm chế sự gia tăng các loại tội phạm, không để hình thành các nhóm tội phạm có tổ chức, hoạt động theo

kiểu “xã hội đen”. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc”, trong đó, tập trung xây dựng, duy trì và nhân rộng các mô hình hay, hiệu quả về đảm bảo trật tự ở cơ sở; đồng thời, tăng cường công tác bám nắm địa bàn, đối tượng; kịp thời phát hiện, xử lý những vấn đề nhạy cảm phát sinh ngay tại cơ sở. Đẩy mạnh các giải pháp ngăn ngừa và giảm thiểu tai nạn giao thông.

Đấu tranh, ngăn chặn, xử lý nghiêm các hoạt động khai thác, vận chuyển lâm sản, khai thác khoáng sản trái pháp luật. Thực hiện tốt công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; giải quyết, xử lý kịp thời các vụ việc tranh chấp, khiếu kiện liên quan đến đất đai.

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, đi đôi với ý thức tự giác, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức về công tác phòng, chống tham nhũng; thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát; điều tra, xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, lãng phí, nhất là các vụ việc phức tạp, dư luận quan tâm. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách tư pháp, bảo đảm việc tiếp nhận, điều tra, truy tố, xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Tăng cường tuần tra, kiểm soát, quản lý tốt đường biên, cột mốc; triển khai có hiệu quả các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự khu vực biên giới; đẩy mạnh hợp tác phát triển trên tất cả các lĩnh vực kinh tế-xã hội và phối hợp bảo vệ an ninh biên giới với các huyện giáp biên. Duy trì tốt mối quan hệ hữu nghị với 02 huyện của tỉnh Sê Kông, Attapur (nước CHDCND Lào) giáp biên với huyện Đăk Glei.

(Có phụ lục chi tiết các lĩnh vực kèm theo)

5. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp

5.1 Cải cách hành chính

- Tiếp tục cải cách hành chính tư pháp; tăng cường kiểm tra, rà soát, chống chéo trong thực hiện pháp luật, có ý kiến tham gia với cấp có thẩm quyền để góp phần hoàn thiện pháp luật, tạo chuyển biến mạnh mẽ và hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động hành chính tư pháp và hỗ trợ tư pháp, thi hành án.

- Nâng cao trình độ, năng lực, kỹ năng hành chính cho công chức, viên chức; rà soát, cắt giảm mạnh các thủ tục hành chính.

- Đẩy mạnh công tác chỉ đạo, phát huy sức mạnh cả hệ thống chính trị trong việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nhất là trong công tác cải cách thủ tục hành chính; kiên quyết loại bỏ các thủ tục rườm rà.

- Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, nghiên cứu đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành, cải tiến lề lối làm việc theo hướng sâu sát, quyết liệt hơn,

tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao trách nhiệm, thái độ làm việc của công chức trong thực thi công vụ.

5.2. Phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo

- Tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng về phòng chống tham nhũng, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, địa phương về công tác phòng chống tham nhũng trên địa bàn huyện. Thường xuyên sâu sát cơ sở, gần dân, sát dân, tăng cường đối thoại, lắng nghe và kịp thời giải quyết các vấn đề bức xúc, những nguyện vọng chính đáng, hợp pháp của Nhân dân. Kiên quyết chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, xa rời quần chúng.

- Tăng cường công tác thanh tra kiểm tra, giám sát, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội, xây dựng quy chế phối hợp giữa Mặt trận và Chính quyền địa phương thực hiện tốt công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

- Chủ tịch UBND huyện, lãnh đạo UBND và các cơ quan chuyên môn thường xuyên duy trì nhiệm vụ tiếp công dân định kỳ, kịp thời giải quyết khó khăn vướng mắc, các đơn thư, khiếu nại, tố cáo, không để tình trạng kéo dài gây điểm nóng, khiếu kiện vượt cấp.

- Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện nghiêm các biện pháp phòng ngừa tham nhũng như: kê khai, minh bạch tài sản, thu nhập của cán bộ, công chức, viên chức; chuyển đổi vị trí công tác; công tác công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị theo quy định... nhằm phòng ngừa, ngăn chặn có hiệu quả hành vi tham nhũng, tiêu cực.

Phần thứ ba

CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Việc tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh giai đoạn 2021 - 2025 là nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ, Nhân dân các dân tộc, cộng đồng doanh nghiệp, toàn quân. Đây là khâu có ý nghĩa quyết định, bảo đảm cho việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX của huyện góp phần hoàn thành các mục tiêu của Quy hoạch huyện Đắk Glei thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

1. Nhiệm vụ các thành viên Ủy ban nhân dân huyện:

Các thành viên Ủy ban nhân dân huyện trực tiếp chỉ đạo, điều hành việc triển khai thực hiện Kế hoạch theo từng ngành, lĩnh vực cụ thể trên cơ sở phân công của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện:

- Cụ thể hoá các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch 5 năm theo kế hoạch hằng năm.

- Tổ chức đánh giá và báo cáo giữa kỳ về tình hình thực hiện kế hoạch 2021 - 2025 và hằng năm 2023, từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp để hoàn thành thắng lợi Kế hoạch.

2. Nhiệm vụ của các phòng ban chuyên môn thuộc huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

- Các phòng ban chuyên môn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn cụ thể hóa nội dung của Kế hoạch và hoàn thiện kế hoạch 5 năm của ngành, lĩnh vực mình; Thủ trưởng các phòng, ban, địa phương thuộc huyện trực tiếp chỉ đạo tổ chức thực hiện hiệu quả các giải pháp đã được xác định nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

3. Đề nghị HĐND huyện; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện

Tham gia giám sát, phản biện xã hội việc triển khai thực hiện Kế hoạch của Ủy ban nhân dân huyện và các đơn vị.

II. CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Trên cơ sở các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh giai đoạn 2021–2025 huyện Đắk Glei, Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo tổ chức thực hiện: Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn xây dựng một số đề án và báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các chương trình, kế hoạch và chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh; các Nghị quyết, kế hoạch, đề án trên địa bàn huyện để triển khai thực hiện./.

PHỤ LỤC 1:

1

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KT-XH
HUYỆN ĐẮK GLEI GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Kèm theo Quyết định số 02 /2020/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Đắk Glei)

TT	Các chỉ tiêu theo ngành, lĩnh vực	ĐVT	Mục tiêu NQ Đại hội XVIII	Kết quả thực hiện				Dự báo khả năng thực hiện mục tiêu đến năm 2020	So sánh kết quả thực hiện với mục tiêu Đại hội (%)
				Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019		
A	B	I	2	3	4	6	7	8	9=8/2
I	KINH TẾ								
1	Tốc độ tăng trưởng bình quân GTSX các ngành (giá so sánh năm 2010)	%	15,87	6,42	9,74	11,83	14,42	15,87	
-	Nông lâm nghiệp thủy sản	%	14,75	7,04	9,82	11,33	12,04	14,75	
-	Công nghiệp xây dựng	%	16,97	5,57	10,16	12,12	16,68	16,97	
-	Thương mại - Dịch vụ	%	16,42	5,74	9,01	12,24	16,45	16,42	
2	Cơ cấu tổng sản phẩm theo ngành (giá hiện hành)	%	100	100	100	100	100	100	
-	Nông lâm nghiệp thủy sản	%	40	42,1	42,2	42	41,23	40,0	
-	Công nghiệp xây dựng	%	26	24,9	25,0	25,1	25,13	26,0	
-	Thương mại - Dịch vụ	%	34	33,0	32,8	32,9	33,64	34,0	
3	Thu ngân sách tại địa bàn	Tr.đồng	22.000	22.020	20.572	27.610	37.180	40.000	181,82
4	Thu nhập bình quân đầu người	Tr.đồng	38	19,2	20,7	22,2	28,4	34,7	91,32
5	Sản lượng lương thực có hạt	Tấn	18.160	13.380	13.459	13.802	13.578	13.564,8	74,70
6	Lương thực BQ đầu người	Kg/năm	369	300,70	296,30	291,72	277,10	273,08	73,98
7	Tổng DT cây trồng hàng năm chủ yếu	Ha	6.945,0	7.913,9	7.882,4	7.859,0	7.761,0	7.623,4	109,77
8	Tổng diện tích cây lâu năm	Ha	6.150	6.263	6.437,8	6.225,8	6.290	6.298,8	102,42
9	Tổng đàn gia súc	Con	45.500	33.507	35.009	48.199	41.139	28.784	63,26
II	VĂN HÓA - XÃ HỘI								
10	Dân số trung bình	Người	49.200	44.502	45.290	48.302	49.002	49.674	100,96
11	Tỷ lệ tăng tự nhiên	%	1,5	1,62	1,57	1,56	1,53	1,5	
12	Tỷ lệ lao động qua đào tạo chung	%	50,0	8,97	8,83	9,06	9,36	9,71	
13	Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề	%	35,0	5	6	7	≥7	≥7,89	
14	Số lao động được giải quyết việc làm mới/năm	Người	500	273	299	210	≥215	≥215	43,00
15	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	36,36	0	0	0	9,09	18,00	
16	Trường Mầm non đạt chuẩn quốc gia	Trường	3	1	0	2	0	4	133,33

TT	Các chỉ tiêu theo ngành, lĩnh vực	ĐVT	Mục tiêu NQ Đại hội XVIII	Kết quả thực hiện				Dự báo khả năng thực hiện mục tiêu đến năm 2020	So sánh kết quả thực hiện với mục tiêu Đại hội (%)
				Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019		
A	B	I	2	3	4	6	7	8	9=8/2
17	Trường Tiểu học đạt chuẩn quốc gia	Trường	6	1	1	0	0	5	83,33
18	Trường THCS đạt chuẩn quốc gia	Trường	5	1	2	0	0	5	100,00
19	Giáo viên các bậc học đạt chuẩn và trên chuẩn	%	100	100	100	100	100	100	
20	Tỷ lệ xã có bác sĩ	%	100	100	100	100	100	100	
21	Tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế	%	100	75,0	75,0	75,0	91,7	100,0	
22	Tỷ lệ trẻ em dưới 05 tuổi suy sinh dưỡng thể nhẹ cân	%	21,86	20,69	20,12	17,6	17,8	17,4	
23	Tỷ lệ xã có thiết chế văn hóa - thông tin (Trung tâm văn hóa - thể thao)	%	80	50	50	75	83	91	
24	Thôn/làng đạt khu dân cư văn hóa	Thôn/làng	70	29	25	37	60	70	100,00
25	Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm	%		38,18	34,35	31,26	26,88	20,88	
26	Bình quân hàng năm giảm số hộ nghèo	%	3-4	4,3	3,83	3,09	≥5,6	≥5,6	
III	MÔI TRƯỜNG								
27	Độ che phủ rừng	%	72	71,2	71,2	71,4	71,5	72	
28	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	100	73,1	75,3	77	100	100	
29	Tỷ lệ hộ dùng điện	%	100	97,32	98,21	99,11	100	100	

PHỤ LỤC 2

**MỘT SỐ CHỈ TIÊU KT-XH CHỦ YẾU
CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2020 của UBND huyện Đắk Glei)

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Dự báo khả năng thực hiện đến năm 2020	Mục tiêu					Ghi chú
				Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
I	KINH TẾ								
1	Tốc độ tăng trưởng bình quân GTSX các ngành (giá so sánh 2010)	%	15,87	15,99	16,05	16,17	16,23	16,45	
-	Nông lâm nghiệp thủy sản	%	14,75	15,38	15,55	15,29	15,52	15,79	
-	Công nghiệp xây dựng	%	16,97	16,998	17,026	17,054	17,082	17,11	
-	Thương mại - Dịch vụ	%	16,42	16,444	16,468	16,492	16,516	16,54	
2	Cơ cấu GTSX theo ngành kinh tế	%	100	100	100	100	100	100	
-	Nông lâm nghiệp thủy sản	%	40	39,8	39,7	39,4	39,2	39	
-	Công nghiệp xây dựng	%	26	25,7	25,8	26,1	26,3	26,5	
-	Thương mại - Dịch vụ	%	34	34,5	34,5	34,5	34,5	34,5	
3	Giá trị sản xuất (giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	1.815	2.105	2.442	2.837	3.297	3.840	
-	Nông - lâm - thủy sản	Tỷ đồng	611	705	814	939	1.084	1.256	
-	Công nghiệp - Xây dựng	Tỷ đồng	491	562,0	656,0	769	900	1.054	
-	Thương mại - dịch vụ	Tỷ đồng	713	838,0	972,0	1.129	1.313	1.530	
4	Giá trị sản xuất các ngành (giá hiện hành)	Tỷ đồng	2.453	2.852	3.297	3.828	4.447	5.176	
-	Nông - lâm - thủy sản	Tỷ đồng	981	1.142	1.308	1.508	1.742	2.017	
-	Công nghiệp - Xây dựng	Tỷ đồng	638	730,0	852,0	999	1.169,0	1.369	
-	Thương mại - dịch vụ	Tỷ đồng	834	980,0	1.137,0	1.321	1.536,0	1.790	
5	Thu ngân sách tại địa bàn	Tr. đồng	24.310	30.200	32.300	34.500	37.000	52.000	
6	Thu nhập bình quân đầu người	Tr. đồng	34,7	36	39	42	45	48	
7	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	2	0	0	2	4	4	Đạt thêm 4 xã
8	Số xã đạt trên 15 tiêu chí	Xã	2	2	3	6	9	9	Bao gồm cả xã đã đạt
9	Độ che phủ của rừng	%	72	72,03	72,08	72,14	72,67	72,67	
-	Diện tích rừng trồng mới	ha		50	120	190	260	300	
10	Diện tích cây dược liệu	Ha	246,5	315,1	367,8	440,2	571,7	615,0	
-	Sâm Ngọc Linh	Ha	5	6	7	9	9	15	
-	Đảng Sâm	Ha	235	300	350	420	550	585	
-	Dược liệu khác	Ha	6	9	11	12	13	15	
11	Tổng diện tích cây hàng năm	Ha	7.623,4	7.621,0	7.515,0	7.345,0	7.180,0	6.980	
12	Tổng diện tích cây lâu năm	Ha	3.298,8	3.475,0	3.493,0	3.505,0	3.524,0	3.592	chuyển đổi
13	Tổng đàn gia súc	Con	28.784	30,29	31,81	33,49	34,42	35,48	
14	Thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải rắn	%	50	55	60	65	70	75	
15	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	100	100	100	100	100	100	
16	Tỷ lệ hộ dùng điện	%	100	100	100	100	100	100	
17	Tỷ lệ cơ sở kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường	%	85	88	91	94	97	100	
II	VĂN HÓA - XÃ HỘI								
18	Dân số trung bình	Người	49.674	50.347	51.038	51.743	52.463	53.210	

TT	Các chỉ tiêu chủ yếu	ĐVT	Dự báo khả năng thực hiện đến năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
19	Tỷ lệ tăng tự nhiên	%	1,50	1,48	1,46	1,45	1,44	1,43	
20	Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm	%	20,88	19,05	17,23	15,4	13,58	≤ 11,75	
21	Bình quân hàng năm giảm số hộ	%	≥ 5,6	> 6	> 6	> 6	> 6	> 6	
22	Tỷ lệ lao động nông thôn qua đào tạo nghề	%	7,2	7,86	8,5	9,13	9,77	≤ 10,4	
23	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia		14	0	0	1	2	3	đạt thêm 3
-	Trường Mầm non đạt chuẩn quốc	Trường	4	0	0	1	1	1	
-	Trường Tiểu học đạt chuẩn quốc gia	Trường	5	0	0	0	0	0	
-	Trường THCS đạt chuẩn quốc gia	Trường	5	0	0	0	0	0	
-	Trường TH&THCS đạt chuẩn quốc gia	Trường	-	0	0	0	1	2	
24	Tỷ lệ phổ cập giáo dục		0	0	0	0	0	0	
-	Mầm non	%	100	100	100	100	100	100	
-	Tiểu học	%	97,2	97,24	97,25	97,26	97,27	97,28	
-	Trung học cơ sở	%	82	82,4	83	83,4	84	85	
-	Xóa mù chữ	%	94,3	94,33	94,45	95	95,45	96	
25	Giáo viên các bậc học đạt chuẩn và trên chuẩn	%	100	60	70	80	90	100	
26	Tỷ lệ xã có bác sĩ	%	100	100	100	100	100	100	
27	Tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về	%	100	100	100	100	100	100	
28	Tỷ lệ bao phủ BHXH	%	11,2	12,5	14,1	15,3	16,6	18,69	
29	Tỷ lệ bao phủ BHYT	%	99,3	99,4	99,5	99,6	99,2	> 98	
30	Tỷ lệ xã có thiết chế văn hóa - thể thao (Trung tâm văn hóa - thể thao)	%	91	91	1	91,6	100	100	
31	Thôn/làng đạt khu dân cư văn hóa	Thôn/làng	70	75	85	90	91	93	
32	Tỷ lệ hộ gia đình văn hóa	%	56,40%	56,55%	60,00%	60,55%	60,78%	70%	
33	Số xã có nhà văn hóa	xã	4	4	4	4	5	5	
III QUỐC PHÒNG, AN NINH									
34	Tỷ lệ xã, thị trấn vững mạnh về quốc phòng, an ninh	%	-					100	
35	Tỷ lệ điều tra, khám phá án	%	-					> 75	